

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2013
và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2014 tỉnh Hưng Yên**

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 25/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2014;

Căn cứ Công văn số 4480/BKHĐT-TH ngày 28/6/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2014,

Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2013 và mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2014 của tỉnh, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ DỰ BÁO KẾ HOẠCH NĂM 2013**

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2013

A. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Năm 2013 có ý nghĩa rất quan trọng, là năm bản lề thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015. Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2013 trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục có nhiều khó khăn, thách thức: Sản xuất kinh doanh đình trệ, 809 doanh nghiệp ngừng hoạt động, trong đó có 15 doanh nghiệp đã làm thủ tục giải thể, phá sản; sức mua thị trường suy giảm, tỷ lệ hàng tồn kho ở mức cao (chiếm 9,7%), thị trường bất động sản đóng băng; tình hình xử lý nợ xấu ngân hàng chưa có chuyển biến tích cực (tính đến nay nợ xấu chiếm 2,1% tổng dư nợ), tốc độ tăng trưởng tín dụng đạt thấp; dịch bệnh gia súc, gia cầm luôn có nguy cơ bùng phát,... Với mục tiêu của Chính phủ đưa ra là ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, giảm đầu tư công, tăng trưởng kinh tế hợp lý và đảm bảo an sinh xã hội; Tỉnh ủy,

HĐND, UBND tỉnh Hưng Yên đã lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quyết liệt, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành, các tổ chức, các thành phần kinh tế và nhân dân trong tỉnh, 6 tháng đầu năm đã đạt được những kết quả như sau:

1. Về ổn định kinh tế vĩ mô và kiềm chế lạm phát

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 và tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ; UBND tỉnh Hưng Yên đã ban hành 3 Chương trình hành động thực hiện 03 Nghị quyết; các cấp, các ngành, các cơ quan trong tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện và tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt các giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2013, kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội. Đến nay đã thu được kết quả khá tích cực trên một số lĩnh vực chính như sau:

Thực hiện Chỉ thị số 09 ngày 24/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2013 và Công văn số 6684/BTC-NSNN ngày 27/5/2013 của Bộ Tài chính về việc tiết kiệm thêm dự toán chi thường xuyên của 7 tháng cuối năm 2013, UBND tỉnh đã có Công văn số 820/UBND-TH ngày 31/5/2013 và Công văn số 860/UBND-TH ngày 07/6/2013 chỉ đạo các cấp, các ngành tiết kiệm dự toán chi thường xuyên và tăng cường điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2013 trên địa bàn tỉnh, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả. Thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm ước 2.850 tỷ đồng, đạt 52,56% kế hoạch, tăng 55,9% so cùng kỳ năm trước; trong đó, thu nội địa 2.050 tỷ đồng, đạt 46,41% kế hoạch, tăng 36,5% so với cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 800 tỷ đồng, đạt 79,6% kế hoạch, tăng 146% so với cùng kỳ. Không tính thu tiền sử dụng đất, thu nội địa đạt 47,3% kế hoạch, tăng 20,11% so với cùng kỳ. Một số khoản thu đạt khá như: Thu từ khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 400 tỷ đồng, đạt 44,44% kế hoạch, tăng 15,18% so cùng kỳ; thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh 830 tỷ đồng, đạt 45,36% kế hoạch, tăng 22,75%; thuế thu nhập cá nhân 220 tỷ đồng, đạt 56,41% kế hoạch, tăng 30,22%; thu lệ phí trước bạ 53 tỷ đồng, đạt 48,18% kế hoạch, tăng 22,23%; phí bảo vệ môi trường 32 tỷ đồng, đạt 45,71% kế hoạch, tăng 2,39%. Một số khoản thu đạt thấp như: Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 2,5 tỷ đồng, đạt 11,37% kế hoạch; thu tiền sử dụng đất 300 tỷ đồng, đạt 41,84% kế hoạch. Chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm ước 2.660 tỷ đồng, đạt 49,6% kế hoạch; trong đó, chi đầu tư phát triển 885 tỷ đồng, đạt 63,7% kế hoạch; chi thường xuyên 1.690 tỷ đồng, đạt 46,8% kế hoạch.

Công tác quản lý tiền tệ, tín dụng, tỷ giá, thị trường ngoại tệ, hoạt động kinh doanh vàng được tăng cường. Các ngân hàng và quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn đang tích cực triển khai các giải pháp của Chính phủ để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, chủ động thực hiện cơ cấu nợ, xử lý rủi ro và xử lý nợ xấu theo quy định của pháp luật; chú trọng ưu tiên vốn cho vay phục vụ nông nghiệp, nông thôn, hộ sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công

ng nghiệp hỗ trợ, xuất khẩu và cho vay tiêu dùng; thực hiện nghiêm túc các quy định về lãi suất, áp dụng mức lãi suất hợp lý nhằm chia sẻ khó khăn với khách hàng vay. 6 tháng đầu năm, lãi suất tín dụng giảm, hoạt động kinh doanh vàng và ngoại tệ dần đi vào ổn định.

Tổng nguồn vốn của ngân hàng và quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh tính đến cuối tháng 6 ước đạt 28.651 tỷ đồng, tăng 2,7% so với đầu năm và tăng 15% so cùng kỳ; trong đó, vốn huy động tại địa phương ước đạt 19.953 tỷ đồng, tăng 967 tỷ đồng so với đầu năm, tỷ lệ tăng 5%. Tổng dư nợ cho vay ước 23.191 tỷ đồng, giảm 40,6 tỷ đồng so với đầu năm, tỷ lệ giảm 0,2%; trong đó dư nợ cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn đạt 9.889 tỷ đồng, chiếm 42,6% tổng dư nợ, tăng 1% so với đầu năm; dư nợ cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa đạt 6.974 tỷ đồng, chiếm 30% tổng dư nợ, giảm 2,5% so với đầu năm; dư nợ cho vay xuất khẩu 445 tỷ đồng, chiếm 1,9% dư nợ, giảm 7,6% so với đầu năm. Nợ xấu ước 448 tỷ đồng, chiếm 2,1% dư nợ, tăng 227,3 tỷ đồng so với đầu năm, tỷ lệ tăng 87,2%. Như vậy, trong thời gian qua, mặc dù lãi suất tín dụng giảm nhưng vẫn không kích thích được tăng trưởng tín dụng đối với nền kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn.

Đã tổ chức 16 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với cơ sở kinh doanh vàng, ngoại tệ, tổ chức tín dụng và hoạt động ngoại hối thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ, qua đó đã phát hiện những sai phạm và xử phạt các trường hợp vi phạm theo đúng qui định của Nhà nước. Chủ động điều hành hợp lý, kịp thời, tăng thanh khoản cho hệ thống ngân hàng.

2. Về thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế

Các chỉ tiêu cơ bản 6 tháng đầu năm 2013 ước đạt như sau (giá trị sản xuất và tốc độ tăng trưởng tính theo giá năm 2010): Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) tăng 7,41% (kế hoạch cả năm 8 - 8,5%); trong đó nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,22%, công nghiệp và xây dựng tăng 7,95%, thương mại và dịch vụ tăng 11,82%; về giá trị sản xuất: nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,32% (kế hoạch cả năm 1 - 1,5%), công nghiệp tăng 7,96% (kế hoạch cả năm 11 - 12%), thương mại và dịch vụ tăng 11,85% (kế hoạch cả năm 13 - 14%); tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn 8.882 tỷ đồng; kim ngạch xuất khẩu 749 triệu USD; thu ngân sách 2.850 tỷ đồng (thu nội địa 2.050 tỷ đồng; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 800 tỷ đồng); chi ngân sách địa phương 2.660 tỷ đồng.

a) Sản xuất nông nghiệp:

Tỉnh Hưng Yên đã triển khai thực hiện nhiều chương trình, đề án, dự án phát triển nông nghiệp, giống cây trồng, vật nuôi, đáp ứng giống tốt cho sản xuất và nâng cao trình độ sản xuất cho nông dân; việc theo dõi, dự báo tình hình và phòng trừ sâu bệnh trên cây trồng được thực hiện thường xuyên, sâu sát và hiệu quả, góp phần đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng bất lợi của thời tiết, mưa nhiều ngày kéo dài vào cuối năm 2012 và đầu năm 2013 đã ảnh hưởng đến diện tích cây ải đạt thấp; đầu vụ Xuân các sông trực cận kiệt, gây hạn cục bộ một số diện tích chân ruộng cao thuộc huyện Văn Giang, Khoái Châu, Văn Lâm, Mỹ Hào, Yên Mỹ,...; lao động

nông nghiệp đang có xu hướng già hóa, thiếu nhân lực, nhất là thời điểm chính vụ thu hoạch và gieo cấy; giá phân bón, thuốc trừ sâu và các vật tư khác ở mức cao vv... nên đã ảnh hưởng đến phát triển sản xuất nông nghiệp và thủy sản.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản ước 5.989 tỷ đồng, tăng 0,32% so với cùng kỳ năm trước. Tổng diện tích gieo trồng vụ đông xuân 61.586 ha (trong đó vụ xuân 48.602 ha, giảm 21 ha so cùng kỳ; diện tích trồng cây vụ đông 12.984 ha, tăng 595 ha so cùng kỳ); diện tích ngô đạt 7.223 ha, khoai lang 651 ha, đậu tương 1.555 ha, lạc 793 ha, rau các loại 8.471 ha; diện tích lúa xuân 40.416 ha, đạt 100,54% kế hoạch; diện tích lúa chất lượng cao, lúa lai tiếp tục được mở rộng, chiếm 53,1% tổng diện tích lúa. Năng suất lúa bình quân đạt 67,67 tạ/ha (giảm 0,8%), sản lượng đạt 274 nghìn tấn, giảm 1,41% so cùng kỳ năm 2012; ngô đạt 55,37 tạ/ha (giảm 8,31%); rau các loại đạt 223 tạ/ha (giảm 2,1%); đậu tương đạt 19 tạ/ha (giảm 7,41%). Nhãn, vải có khả năng được mùa, sản lượng dự kiến tương đương năm trước.

Chăn nuôi gia súc gia cầm trong điều kiện giá vật tư đầu vào nhất là thức ăn ngày càng tăng, giá thực phẩm giảm, dịch bệnh đối với đàn gia súc, gia cầm dễ phát sinh, trong điều kiện một số dịch bệnh đã xuất hiện ở một số tỉnh, thành phố trong cả nước và đang có diễn biến khá phức tạp. Trên địa bàn tỉnh xuất hiện trở lại dịch cúm gia cầm tại huyện Kim Động, tuy nhiên do có sự chỉ đạo kịp thời và khẩn trương thực hiện các biện pháp chống dịch, dập dịch nên đến nay đàn gia súc, gia cầm vẫn phát triển ổn định, không có dịch bệnh lớn xảy ra. Ước 6 tháng đầu năm, đàn trâu có 2.106 con, giảm 6,36% so cùng kỳ; đàn bò có 37.367 con, giảm 14,23%; đàn lợn có 578 nghìn con, giảm 4,51%; đàn gia cầm có 8,5 triệu con, tăng 1,56%. Tổng sản lượng chăn nuôi đạt 67,1 nghìn tấn, tăng 2,14% so cùng kỳ. Diện tích nuôi trồng thủy sản trên 4 nghìn ha, sản lượng thủy sản ước đạt 15,7 nghìn tấn, tăng 7,4% so cùng kỳ, giá trị sản xuất thủy sản ước 501,3 tỷ đồng, tăng 6,48%.

Các cấp, các ngành đang tích cực chuẩn bị và chủ động trong công tác phòng chống lụt, bão, úng. Hoàn thành duy tu, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống đê điều trước mùa mưa bão. Tích cực triển khai Chương trình hành động về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; thực hiện một số cơ chế hỗ trợ các địa phương và khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, góp phần xã hội hóa trong việc xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Chương trình hỗ trợ xi măng để xây dựng các đường giao thông thôn, xóm đang triển khai tích cực, tỉnh đang tổ chức lựa chọn nhà cung ứng xi măng; đây là chương trình được nhân dân đồng tình, ủng hộ cao.

b) Sản xuất công nghiệp:

Sản xuất công nghiệp vẫn khó khăn và tăng trưởng chậm. Giá trị sản xuất công nghiệp ước tăng 7,96% (kế hoạch cả năm 11 - 12%), chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm ước tăng 7,38%, trong đó công nghiệp khai thác tăng 10%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,1%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước tăng 26,59%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải tăng 9,89%. Chỉ số sản phẩm công nghiệp chủ yếu như: thức ăn cho

gia súc, gia cầm tăng 12,33%; quần áo các loại tăng 10%; dây điện đơn dạng cuộn tăng 19,77%; sản phẩm bằng plastic các loại tăng 7,34%; Gạch xây dựng bằng đất sét nung tăng 9,65%; sản phẩm bằng kim loại cơ bản khác tăng 10,93%,....

Công tác thu hút đầu tư tiếp tục gặp khó khăn do tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa có dấu hiệu tích cực, tiến độ thực hiện các dự án được cấp phép đầu tư chậm. 6 tháng đầu năm tăng thêm 22 dự án (06 dự án trong nước, 16 dự án nước ngoài) với số vốn đăng ký 290 tỷ đồng và 58,4 triệu USD; đưa tổng số dự án trên địa bàn lên 1.060 dự án (807 dự án trong nước, 253 dự án nước ngoài) với tổng số vốn đăng ký 56,3 nghìn tỷ đồng và 2,29 tỷ USD. Có 615 dự án đi vào hoạt động, giải quyết việc làm cho gần 10 vạn lao động.

Trong tổng số 5.013 doanh nghiệp đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh, mới có 60% doanh nghiệp đang hoạt động, còn lại 40% doanh nghiệp đã đăng ký nhưng chưa hoạt động. 6 tháng đầu năm thành lập mới 180 doanh nghiệp. Do tác động của kinh tế thế giới và trong nước nên sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn hơn trước; từ đầu năm đến nay đã có 809 doanh nghiệp ngừng hoạt động, trong đó có 15 doanh nghiệp đã làm thủ tục giải thể.

c) Thương mại, dịch vụ:

Thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh khá phong phú, đa dạng, giá cả tương đối ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân mua sắm. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của suy giảm kinh tế, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ 6 tháng đầu năm tăng thấp so với các năm gần đây. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ ước 7.884 tỷ đồng, đạt 46,93% kế hoạch năm, tăng 12,1% so cùng kỳ. Trong đó, khu vực nhà nước tăng 6,9%, khu vực tập thể tăng 8,2%, khu vực tư nhân tăng 12,9%, khu vực cá thể tăng 11,5%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 5,3 lần. Phân theo ngành hoạt động: thương nghiệp tăng 11,9%; khách sạn, nhà hàng tăng 12%; du lịch, dịch vụ tăng 17,9%.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6 so với tháng 12 năm 2012 ước tăng 1,76%. Trong đó, nhóm hàng dịch vụ ăn uống tăng 2,24%; đồ uống, thuốc lá tăng 5,58%; dịch vụ giao thông tăng 0,42%; hàng may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,6%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,61%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,19%, dịch vụ văn hoá, giải trí và du lịch tăng 5,75%. Giá vàng giảm 11,13%, USD tăng 1,29%.

Tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn tỉnh ước 749 triệu USD, đạt 59,92% kế hoạch năm, tăng 61,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 251 triệu USD, tăng 20,1% so cùng kỳ; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 498 triệu USD, tăng 95,8%. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu: Hàng dệt may tăng 51%, giày dép các loại tăng 108%, sản phẩm bằng plastic tăng 3,7 lần, hàng điện tử tăng 5,2 lần, hàng hóa khác tăng 53,4%,... Tổng kim ngạch nhập khẩu 6 tháng ước 940,8 triệu USD, tăng 58,5% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực ngoài nhà nước tăng 27%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 85%. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu: Vải may mặc tăng

19,8%, phụ liệu may mặc tăng 44,8%, phụ liệu giày dép tăng 2,2 lần, linh kiện điện tử tăng 4,16 lần, hàng khóa khác tăng 32%.

3. Về thực hiện mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và các lĩnh vực xã hội khác

a) Về công tác lao động, thương binh - xã hội và giải quyết việc làm:

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách ưu đãi đối với người có công và giải quyết tích cực những tồn tại, vướng mắc cho các đối tượng. Trong dịp Tết Nguyên đán 2013, Chủ tịch nước, Tỉnh ủy - HĐND - UBND - UBMTTQ tỉnh đã tặng quà cho 37.651 người có công với số tiền trên 18 tỷ đồng, hỗ trợ 22.210 hộ nghèo ăn tết với số tiền trên 6,6 tỷ đồng, hỗ trợ 557 đối tượng nuôi dưỡng tập trung; chúc thọ, tặng quà cho 23.145 người cao tuổi với số tiền trên 6,8 tỷ đồng, tặng quà cho 1.705 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt với số tiền trên 564 triệu đồng.

Công tác lao động, giải quyết việc làm được quan tâm chú trọng, 6 tháng đầu năm giải quyết việc làm mới cho 8.938 lao động (đạt 45,8% kế hoạch), trong đó xuất khẩu 1.026 lao động (đạt 51,3% kế hoạch); tư vấn về việc làm và học nghề cho 6.125 lượt người. Chương trình mục tiêu quốc gia về dạy nghề cho lao động nông thôn đang được triển khai tích cực, đã dạy nghề cho 20.156 lao động, đạt 44,8% kế hoạch. Tổ chức khảo sát điều tra về lao động, tiền lương và nhu cầu sử dụng lao động tại 87 doanh nghiệp, cấp phép dạy nghề mới cho 02 cơ sở, nâng tổng số cơ sở tham gia dạy nghề lên 42 cơ sở trên toàn tỉnh. Triển khai đồng bộ và có hiệu quả công tác bảo trợ xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, người cao tuổi, phòng chống tệ nạn xã hội,...

b) Về lĩnh vực y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe nhân dân:

Công tác giám sát dịch bệnh trên địa bàn tỉnh được thực hiện tốt, không có dịch bệnh xảy ra. Các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như: Tiêu chảy cấp, Cúm A (H1N1), Cúm A (H7N9) không xuất hiện trên địa bàn tỉnh. Các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế được triển khai có hiệu quả như: Chương trình tiêm chủng mở rộng đã cung ứng đầy đủ và kịp thời các loại vắc xin và vật tư đảm bảo an toàn, không để xảy ra tai biến trong và sau tiêm chủng; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 14,3%; thực hiện phòng chống lao đạt 58% kế hoạch năm, tỷ lệ điều trị khỏi đạt trên 95%, cao hơn so với mục tiêu của Chương trình chống lao Quốc gia. Chất lượng khám chữa bệnh được cải thiện, đã triển khai trên 77% dịch vụ theo phân tuyến kỹ thuật, tỷ lệ bệnh nhân điều trị khỏi đạt trên 90%, tỷ lệ chuyển viện lên tuyến trên giảm. Công tác quản lý các bệnh xã hội được quan tâm hơn; an toàn vệ sinh thực phẩm được bảo đảm. Công tác thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh thực phẩm được tăng cường nhằm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm dịp Tết Nguyên đán 2013 và mùa lễ hội. Qua thanh tra, kiểm tra, giám sát tại 47 cơ sở, đã phát hiện 27 cơ sở có hành vi vi phạm an toàn vệ sinh thực phẩm. 6 tháng đầu năm, không có vụ ngộ độc thực phẩm tập thể xảy ra trên địa bàn tỉnh. Việc quản lý hệ thống hành nghề y, dược tư nhân được tăng cường.

Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình được duy trì; Đã triển khai thực hiện tốt việc tuyên truyền các chủ chương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về công tác dân số kế hoạch hóa gia đình. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên và tỷ lệ sinh con thứ 3 có xu hướng tăng nhẹ. Các hoạt động bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em luôn được chú trọng thực hiện, 99% phụ nữ có thai được khám trên 3 lần, số ca mắc tai biến sản khoa giảm.

4. Về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ

a) Công tác quản lý giáo dục – đào tạo:

Công tác quản lý giáo dục – đào tạo được quan tâm thực hiện tốt, chất lượng giáo dục - đào tạo ngày càng được nâng lên, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn tăng nhanh ở các ngành học, bậc học. Các hoạt động liên kết đào tạo được thực hiện theo quy chế mới. Công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát các hoạt động giáo dục và đào tạo được triển khai tích cực. Đã tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT, bổ túc THPT năm học 2012-2013 đảm bảo an toàn và nghiêm túc. Quy mô mạng lưới giáo dục và đào tạo trong toàn tỉnh được duy trì, ổn định và phát triển, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, góp phần đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Toàn tỉnh hiện có 175 trường mầm non (tăng 01 trường so với năm học trước), 169 trường tiểu học, 169 trường trung học cơ sở, 37 trường trung học phổ thông, 11 trung tâm giáo dục thường xuyên, 5 trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, 161 trung tâm giáo dục cộng đồng, 20 trường chuyên nghiệp. 6 tháng đầu năm, đã huy động 44,6% cháu nhà trẻ, 97,3% cháu mẫu giáo, 100% cháu 5 tuổi ra lớp. Chất lượng giáo dục toàn diện không ngừng được nâng lên, tỷ lệ học sinh bỏ học giảm, tỷ lệ tốt nghiệp ở các bậc học năm sau cao hơn năm trước, tỷ lệ học sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng ngày càng được nâng lên và vượt chỉ tiêu. Năm 2013, có 50 học sinh đạt giải quốc gia, trong đó có 2 giải nhất, 6 giải nhì, 29 giải ba, 13 giải khuyến khích (tăng 7 giải so với năm học trước).

Cơ sở vật chất giáo dục đào tạo được đảm bảo. Toàn tỉnh hiện có 8.558 phòng học, trong đó phòng học kiên cố cao tầng 7.140 phòng, chiếm tỷ lệ 83,4%. Năm học 2012 - 2013, có 424 phòng học được xây mới, đảm bảo đủ phòng học cho học sinh, không có trường nào phải tổ chức học 3 ca. Các cấp, các ngành có liên quan đang tích cực đẩy nhanh tiến độ triển khai Khu Đại học Phố Hiến và đã thực hiện khởi công xây dựng Trường Đại học Thủy lợi.

b) Khoa học và công nghệ:

Các hoạt động khoa học và công nghệ đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Các dự án, đề tài triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng. Đã tổ chức thành công Đại hội Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2013-2015. Công tác quản lý về tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, quản lý bức xạ, sở hữu công nghệ được tăng cường; đã tổ chức hướng dẫn các doanh nghiệp về các vấn đề liên quan tới tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm và hàng hóa như: Công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, công bố tiêu chuẩn áp dụng và chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy. Thực hiện kiểm định đối với 4.994 phương tiện đo các loại.

Qua công tác kiểm định đã phát hiện và yêu cầu loại khỏi sử dụng các phương tiện đo sai hỏng. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát lĩnh vực khoa học công nghệ được tăng cường; kiểm tra chất lượng và nhãn mác hàng hóa phục vụ Tết nguyên đán Quý Tỵ năm 2013 đối với 59 cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh; kiểm tra về đo lường chất lượng xăng dầu tại 05 cơ sở, phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm. Thanh tra đột xuất tại 02 cơ sở sản xuất và 07 cửa hàng kinh doanh mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe gắn máy, 10 cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

5. Về văn hóa, thể dục thể thao

Các hoạt động thông tin cổ động, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi tại khắp các địa phương trong tỉnh nhằm chào mừng, kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và của tỉnh, góp phần tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu hình ảnh nổi bật về Đảng, nhà nước và Bác Hồ đến mọi tầng lớp nhân dân, đồng thời đáp ứng nhu cầu hưởng thụ đời sống tinh thần của người dân. Công tác quản lý lễ hội được quan tâm, đảm bảo vui tươi, lành mạnh. Đã tổ chức thành công Lễ hội Chử Đồng Tử - Tiên Dung và Lễ hội văn hóa vùng Phố Hiến năm 2013, hưởng ứng tốt năm du lịch quốc gia đồng bằng sông Hồng - Hải Phòng 2013. Phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở tiếp tục được quan tâm với nhiều hình thức phong phú; các hoạt động biểu diễn, giao lưu văn nghệ và chiếu phim diễn ra sôi nổi trong toàn tỉnh. Tích cực triển khai đầu tư xây dựng các công trình văn hoá trọng điểm của tỉnh như: dự án xây dựng Tượng đài cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh; triển khai thực hiện nhóm dự án số 4 thuộc Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị đô thị cổ Phố Hiến gắn với phát triển du lịch; dự án Bảo tàng và dự án Thư viện tỉnh.

Phong trào thể dục thể thao quần chúng thu hút được đông đảo nhân dân tham gia; các chỉ tiêu về số người tập luyện TDTT, số gia đình thể thao ngày càng tăng lên; thể thao thành tích cao có bước phát triển khá. Công tác tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến du lịch được đẩy mạnh, số lượt khách du lịch đến thăm Hưng Yên ngày một tăng.

6. Về tài nguyên và môi trường

Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường được tăng cường. Đã hoàn thiện phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 - 2015) của tỉnh theo các chỉ tiêu phân khai của Chính phủ và được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 62/NQ-CP ngày 23/5/2013; đang hoàn thiện phương án cấp huyện. Công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Dự án hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai (dự án VLAP) đang được triển khai theo kế hoạch năm 2013. Thực hiện tốt việc góp ý, tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, giấy xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, giấy xác nhận phương án tiêu huỷ phế phẩm, phế liệu cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường được quan tâm hơn. 6 tháng đầu năm đã tiến hành thanh

tra, kiểm tra 10 cuộc tại 41 đơn vị, trong đó đã xử lý vi phạm 10 đơn vị, đồng thời yêu cầu các đơn vị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

7. Về thông tin truyền thông

Bưu chính, Viễn thông có bước phát triển khá. Mạng lưới bưu cục được phủ kín trên toàn tỉnh với bán kính phục vụ bình quân 1,34 km/điểm, số dân phục vụ bình quân 6.915 người/điểm. Viễn thông và internet phát triển nhanh, vùng phủ sóng di động, dịch vụ truy cập internet được mở rộng, chất lượng được cải thiện. 6 tháng đầu năm đã xây dựng và đưa vào hoạt động 5 trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS), nâng tổng số trạm phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh lên 744 trạm. Dịch vụ internet không ngừng được mở rộng, thuê bao internet phát triển rất nhanh, đặc biệt thuê bao internet tốc độ cao ADSL và thuê bao cáp quang FTTH. Ước 6 tháng đầu năm đã phát triển mới thêm 2.550 thuê bao, nâng tổng số thuê bao internet trên toàn mạng của tỉnh 45.144 thuê bao, đạt mật độ 3,95 thuê bao/100 người dân, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ ngày càng cao của người dân và doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

Công tác báo chí, phát thanh và truyền hình hoạt động phong phú và đa dạng và có nhiều tiến bộ trong công tác quản lý; truyền tải kịp thời các thông tin về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của Đảng, Nhà nước và của tỉnh tới người dân.

8. Về quốc phòng, an ninh và bảo đảm ổn định chính trị xã hội

Đảm bảo an ninh trật tự dịp Tết Nguyên đán Quý Tỵ và các sự kiện chính trị, văn hóa – xã hội quan trọng của đất nước và của tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 86-KL/TW ngày 05/11/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo công tác đảm bảo an ninh quốc gia trong tình hình mới và Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác phòng chống tội phạm. Đã phát hiện khởi tố điều tra 446 vụ và 1.029 bị can; truy bắt 106 đối tượng truy nã; kiểm tra, chuyển ngành chức năng xử lý 27 vụ trốn thuế, buôn lậu, thu nộp ngân sách trên 500 triệu đồng; xử lý 37 vụ, việc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, phạt tiền 301 triệu đồng, góp phần giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh trên các lĩnh vực, nhất là an ninh nội bộ, an ninh nông thôn, tạo môi trường thuận lợi phục vụ sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Chỉ đạo và tổ chức thực hiện toàn diện các nhiệm vụ quốc phòng và quân sự địa phương; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, xây dựng vững chắc khu vực phòng thủ tỉnh; kế hoạch phòng chống giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ, ứng cứu sập đổ công trình; tổ chức huấn luyện cho lực lượng vũ trang tỉnh đạt kế quả tốt. 6 tháng đầu năm đã tổ chức tập huấn cho 1.194 cán bộ các cấp; huấn luyện dân quân tự vệ cho 161/161 xã, phường, thị trấn và 213/213 đơn vị tự vệ với quân số tham gia huấn luyện là 19.452 người. Tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khoá IX về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”. Công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh được thực hiện thường xuyên.

Hoàn thành chỉ tiêu giao quân đợt 1 năm 2013 đảm bảo chất lượng. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai rộng khắp, đã đi vào chiều sâu, có trọng tâm, trọng điểm, góp phần nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ và nhân dân. Đã thực hiện tốt việc xây dựng, tổ chức triển khai Kế hoạch lấy ý kiến nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, đảm bảo chất lượng, thời gian theo quy định. Công tác xây dựng và thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật đã đi vào nề nếp, các văn bản thẩm định có chất lượng, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, góp phần xây dựng và hoàn thiện thể chế trong quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác thanh tra, tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được thực hiện nghiêm túc, giải quyết nhiều vụ việc khiếu nại, tố cáo của công dân; tình trạng đi khiếu kiện đông người vượt cấp giảm nhiều. Trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, các cấp, các ngành đã tiếp tổng số 1.062 lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; nhận 393 đơn, trong đó có 07 vụ thuộc thẩm quyền. Đã tiến hành 162 cuộc thanh tra kinh tế, xã hội, kiến nghị xử lý về kinh tế số tiền 40,6 tỷ đồng.

B. NHỮNG HẠN CHẾ, TỒN TẠI

- Một số chỉ tiêu kinh tế và sản xuất đạt thấp so với kế hoạch và tăng trưởng chậm so cùng kỳ. Đời sống của một bộ phận người dân và công nhân còn khó khăn.

- Tốc độ tăng trưởng tín dụng đạt thấp; nợ xấu vẫn ở mức cao, trong đó tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn tăng nhanh so với đầu năm. Doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hàng tồn kho lớn, sản phẩm hàng tiêu dùng trong nước chậm, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội.

- Tiến độ triển khai một số dự án lớn, trọng điểm chậm do khó khăn về nguồn vốn, nhà thầu thi công chưa tích cực. Tiến độ thi công dự án cấp nước thành phố Hưng Yên quá chậm do nhà thầu Phần Lan đề xuất thay thế vật tư, thiết bị nhiều lần và đang bế tắc về thủ tục hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu.

- Tình trạng ô nhiễm môi trường, lấn chiếm đất đai, lấn chằm hành lang giao thông, các công trình thủy lợi; tình trạng tội phạm, bảo kê cho vay nặng lãi, ma túy, cờ bạc còn bức xúc.

- Một số dự án đầu tư đã quá thời hạn qui định nhưng chưa thực hiện, chậm được xử lý.

- Chất lượng khám chữa bệnh tại một số cơ sở y tế chưa theo kịp yêu cầu; việc tăng cường bác sỹ về Trạm Y tế xã hiệu quả còn thấp; tỷ lệ giới tính khi sinh còn mất cân bằng.

- Công tác đào tạo chuyển đổi nghề, tạo thu nhập cho người dân có đất bị thu hồi cho phát triển đô thị và công nghiệp còn chậm; lao động thiếu việc làm, việc làm chưa ổn định và thu nhập bấp bênh chưa có chiều hướng giảm.

- Cải cách hành chính chuyển biến còn chậm; hoạt động thanh tra, kiểm tra của các cấp, các ngành còn yếu; công tác phối hợp giải quyết công việc giữa các cấp, các ngành còn thiếu chủ động, một bộ phận cán bộ, công chức còn thiếu tinh thần trách nhiệm.

- Công tác phòng, chống tham nhũng có tiến bộ nhưng hiệu quả chưa cao. Tình hình tai nạn giao thông tăng cả về số người chết và bị thương.

II. DỰ BÁO KHẢ NĂNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2013

Trên cơ sở tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong 6 tháng đầu năm, trên cơ sở đánh giá tình hình kinh tế trong nước thời gian qua và triển vọng sắp tới, dự kiến thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra cho năm 2013 như sau:

- Tổng sản phẩm của tỉnh (GDP) tăng 7,27% (KH: 8 - 8,5%)
- + Giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản tăng 1,19 % (KH: 1 - 1,5%);
- + Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 8,08% (KH: 11 - 12%);
- + Giá trị các ngành dịch vụ tăng 11,98% (KH: 13 - 14%);
- + Cơ cấu kinh tế NN₀-CN, XD-DV: 19,38% - 48,32% - 32,3% (KH: 19% - 48,5% - 32,5%);
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 30,8 triệu đồng (KH: 31 triệu đồng);
- Kim ngạch xuất khẩu 1.350 triệu USD (KH 1.250 triệu USD);
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn 5.012,5 tỷ đồng, trong đó: Thu nội địa 4.000 tỷ đồng (thu tiền sử dụng đất là 700 tỷ đồng); thu thuế xuất, nhập khẩu 1.005 tỷ đồng, thu xổ số kiến thiết 7,5 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách địa phương ước 6.474 tỷ đồng, trong đó: Chi đầu tư đầu tư phát triển thuộc ngân sách địa phương quản lý là 1.783 tỷ đồng.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,92% (KH: dưới 1%); tỷ lệ hộ nghèo còn 5,4% (KH: 5,4%); tạo thêm việc làm mới đạt 1,9 vạn lao động (KH: 1,9 vạn lao động);
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt kế hoạch 40%;
- Tỷ lệ làng, khu phố văn hoá đạt kế hoạch 82%.

Dưới đây là ước thực hiện các chỉ tiêu của tỉnh Hưng Yên so với ước các chỉ tiêu chung của cả nước do Quốc hội đề ra:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Cả nước		Hưng Yên	
			Quốc	Ước thực	Tỉnh	Ước thực

			hội giao	hiện	giao	hiện
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	5,5	5,5	8-8,5	7,27
2	Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu	%	10	10,9	1.250 tr. USD	1.350 tr. USD, (23,3%)
3	Tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu	%	8	7,1	Không giao	Không tính
4	Bộ chi ngân sách nhà nước so với GDP	%	4,8	4,8	Không giao	Không tính
5	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội so với GDP	%	30	29	Không giao	51
6	Chỉ số giá tiêu dùng	%	~ 8	~ 7	<10	~7,3
7	Tạo việc làm	Triệu người	1,6	1,6	1,9 vạn	1,9 vạn
8	Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế	%	49	49	49	49
9	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	< 4	3,48	Không giao	~ 3,5
10	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	2	2	2	2
11	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%	< 16	< 16,6	14	13,5
12	Số giường bệnh trên 1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường bệnh	22	22	21,5	21,54
13	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý (theo QĐ số 64/2003/QĐ-TTg)	%	79	83	Không giao	100
14	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	75	75	Không giao	75
15	Tỷ lệ che phủ rừng	%	40,7	40,5	Không có rừng	Không có rừng

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2013

Phát huy những kết quả đã đạt được và tập trung khắc phục những hạn chế còn tồn tại, trên cơ sở những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được thông qua tại Kỳ họp thứ 4-HĐND tỉnh khoá XV về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2013, cần tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp cơ bản sau:

1. Tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2013; Tiếp tục bám sát các nội dung Nghị quyết số 01, 02 ngày 07/1/2013 của Chính phủ, Chỉ thị số 09 ngày 24/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ, chủ động, quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, thực hiện đồng bộ các giải pháp đã đề ra để hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2013. Rà soát lại các chỉ tiêu, nhiệm vụ của những ngành có tốc độ tăng trưởng thấp hơn so với kế hoạch để tập trung chỉ đạo, khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

2. Tập trung chỉ đạo thu hoạch lúa Đông Xuân nhanh gọn, chuẩn bị và triển khai thực hiện các biện pháp hiệu quả cho sản xuất vụ Mùa; tích cực chuyển đổi cơ cấu giống, trà vụ hợp lý và hoàn thành gieo cấy lúa trong khung thời vụ tốt nhất. Khắc phục khó khăn, đảm bảo diện tích gieo trồng lúa vụ Mùa đạt và vượt kế hoạch đề ra, phấn đấu trên 60% diện tích gieo cấy lúa chất lượng cao. Chủ động phương án phòng chống dịch bệnh đàn gia súc, gia cầm và thủy sản, chú trọng các loại dịch có nguy cơ bùng phát cao như: dịch cúm gia cầm, dịch nở mầm long móng, dịch lợn tai xanh,..... Thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 18 của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 149 của UBND tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tiếp tục triển khai thực hiện tốt, đúng tiến độ các chương trình, đề án, dự án đã được duyệt như: Chương trình phát triển nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao; Đề án sản xuất giống lúa, giống cây trồng, vật nuôi tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015, dự án sản xuất giống lúa giai đoạn 2011-2015. Tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Có cơ chế hỗ trợ trong các lĩnh vực: chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng thương hiệu sản phẩm, hàng hoá,.... Khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông nghiệp hàng hoá. Tích cực triển khai dồn điền đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu lớn, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình hành động 50^A/Ctr-UBND ngày 26/4/2013 của UBND tỉnh về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường giải quyết xử lý hiệu quả tình trạng vi phạm lấn chiếm công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh,...

Chủ động phòng chống lụt bão, hoàn thành khối lượng nạo vét thủy lợi nội đồng; tu bổ, gia cố, bảo vệ đê, kè theo kế hoạch trước mùa mưa bão. Quy hoạch và xây dựng các công trình chủ yếu tập trung vào việc ứng phó với hạn hán, úng lụt; duy tu bảo dưỡng, xây dựng các hệ thống kênh mương, trạm bơm, tăng cường năng lực hệ thống tưới tiêu phục vụ sản xuất.

3. Đẩy nhanh tiến độ thu hồi, giao đất cho các dự án đầu tư. Tăng cường nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp để có biện pháp tháo gỡ kịp thời. Đổi mới và mở rộng hoạt động khuyến công, kịp thời tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp ổn định sản xuất, vượt qua giai đoạn khó khăn. Thực hiện miễn, giảm, gia hạn thời hạn nộp thuế cho các đối tượng theo quy định nhằm hỗ trợ doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất

kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Cải thiện năng lực cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư; thu hút có chọn lọc, ưu tiên những dự án lớn, hàm lượng công nghệ cao, đóng góp nhiều ngân sách và thân thiện với môi trường, nhất là các dự án FDI từ các quốc gia phát triển. Chú trọng đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án đang triển khai, đặc biệt khuyến khích các dự án đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh nhằm tăng năng lực sản xuất công nghiệp. Rà soát, chấn chỉnh, thu hồi những dự án đã được cấp phép nhưng quá thời hạn, không thực hiện đầu tư. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020.

4. Tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm soát, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thị trường, đấu tranh có hiệu quả các hành vi buôn lậu, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng vi phạm sở hữu trí tuệ; Chủ động mở rộng thị trường, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, nâng cao chất lượng và hiệu quả các mặt hàng xuất khẩu, tăng dần tỷ trọng hàng xuất khẩu qua chế biến, kiểm soát chặt chẽ hàng hoá nhập khẩu, giảm dần nhập khẩu nguyên liệu đầu vào và thay thế bằng nguyên liệu sản xuất trong nước. Tăng cường quản lý nhà nước về lĩnh vực giao thông vận tải. Thực hiện nghiêm túc công tác đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường, nhất là các tuyến đường thường xảy ra tai nạn; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự ATGT; thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm về hành lang giao thông; ứng dụng rộng rãi có hiệu quả các chương trình công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng các dịch vụ bưu chính viễn thông. Phát triển và mở rộng khả năng cung cấp, đồng thời quản lý chặt chẽ các dịch vụ Internet.

5. Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển. Tập trung xem xét, hỗ trợ, giải quyết các vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tiến độ giải ngân, tiến độ xây dựng các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án lớn, trọng điểm, dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ODA. Đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch xây dựng huyện Văn Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; quy hoạch xây dựng dọc tuyến đường bộ nối hai đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình; Quy hoạch xây dựng đô thị loại 4 Bồ Thờ - Dân Tiến, huyện Khoái Châu đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; điều chỉnh xây dựng quy hoạch thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi đến năm 2025; quy hoạch xây dựng huyện Văn Lâm,... hoàn thiện quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Đại học Phố Hiến. Tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ; phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, đường nối với 2 đường cao tốc Hà Nội- Hải Phòng và Cầu Giẽ- Ninh Bình, đường đê sông Hồng, sông Cừu An - Đồng Quê, sông Điện Biên, đường 200,... Tiếp tục thực hiện cứng hoá các tuyến đường xã, thôn và đường ra đồng theo đề án đã duyệt, nhằm hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông của tỉnh theo quy hoạch, đề án đã duyệt. Triển khai thực hiện cơ chế hỗ trợ xi măng để đầu tư các công trình đường thôn, xóm, đường ra đồng. Trích 1,5 tỷ đồng từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc tỉnh quản lý, mục

“Dự phòng” để đầu tư xây dựng dự án “Khôi nhà phục vụ Trung tâm Hội nghị tỉnh”.

6. Thực hiện các biện pháp tăng thu; tăng cường công tác kiểm tra chấp hành kỷ luật tài chính về thu nộp ngân sách nhà nước, tập trung xử lý các khoản nợ đọng thuế; triển khai các biện pháp để thu hồi nợ đọng và hạn chế phát sinh số nợ thuế mới. Phân đầu tăng thu để đảm bảo nguồn thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội và hoàn thành dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2013. Nâng cao hiệu quả chi ngân sách, quản lý chặt chẽ dự phòng ngân sách và nguồn tiết kiệm chi để chủ động phòng chống thiên tai, dịch bệnh và dành nguồn vốn cho đầu tư phát triển. Thực hiện tiết kiệm thêm dự toán chi thường xuyên của 7 tháng cuối năm và tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2013 đúng quy định tại Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 24/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 820/UBND-TH ngày 31/5/2013 của UBND tỉnh.

7. Bám sát định hướng, mục tiêu và các giải pháp lớn về điều hành chính sách tiền tệ năm 2013. Thực hiện đồng bộ các giải pháp và hình thức huy động vốn nhằm khai thác tối đa nguồn vốn huy động tại địa phương. Mở rộng đầu tư cho vay, đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng; chú trọng đầu tư tín dụng vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Xây dựng và thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng; thực hiện tốt việc xử lý nợ xấu, phân đầu giảm nợ xấu còn dưới 1% tổng dư nợ. Thực hiện tốt việc quản lý hoạt động kinh doanh vàng theo Nghị định số 24 của Chính phủ và Thông tư số 16 của Ngân hàng Nhà nước. Tăng cường công tác thanh tra, giám sát đối với các tổ chức tín dụng trên địa bàn, chú trọng thanh tra, kiểm tra chất lượng hoạt động tín dụng.

8. Đẩy nhanh tiến độ đo đạc, lập bản đồ hồ sơ địa chính, đăng ký đất đai theo đúng trình tự của pháp luật, đảm bảo tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất. Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) của cấp huyện. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng và hiệu quả đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, ngăn ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đất đai và tài nguyên môi trường. Nâng cao chất lượng và hiệu quả các đề tài, dự án khoa học công nghệ; xây dựng và ban hành các quy định, hướng dẫn về thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư, đổi mới, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; tổ chức nghiệm thu đánh giá kết quả thực hiện một số đề tài, dự án đã hoàn thành; tiếp tục đẩy mạnh hoạt động chuyển giao, áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra về đo lường chất lượng xăng dầu, chất hoá lỏng, sản phẩm hàng hoá, đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng.

9. Chỉ đạo toàn diện để hoàn thành nhiệm vụ năm học 2012 - 2013, đồng thời triển khai xây dựng nhiệm vụ năm học 2013-2014. Tiếp tục đổi mới nội

dung, phương pháp giáo dục; đẩy mạnh một cách hợp lý việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương thức dạy và học ở từng cấp. Từng bước đổi mới phương pháp dạy học thông qua việc thực hiện bài giảng điện tử, hướng tới triển khai công nghệ học điện tử; kiểm tra, đánh giá và duy trì kỷ cương, nề nếp trong dạy và học đối với các nhà trường. Đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng, đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo, các hình thức đào tạo; tích cực thực hiện tốt công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở. Hoàn thành công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, đảm bảo chất lượng phổ cập giáo dục thực chất; huy động nhiều trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đi học, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Huy động các cháu và học sinh vào các lớp đầu cấp đạt tỷ lệ cao trong năm học 2013-2014. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, đảm bảo đủ giáo viên cho các bậc học trước khi vào năm học mới. Tiếp nhận, bàn giao đất cho các trường đầu tư vào Khu Đại học Phố Hiến và các địa bàn khác trong tỉnh. Nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và xuất khẩu lao động.

10. Chú trọng công tác y tế dự phòng, giám sát dịch bệnh, chủ động phát hiện và xử lý kịp thời, không để dịch bệnh bùng phát. Thực hiện tốt công tác chăm sóc tốt sức khỏe nhân dân, vệ sinh an toàn thực phẩm. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các Bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện. Tăng cường kiểm tra, giám sát các cơ sở khám chữa bệnh và kinh doanh thuốc tư nhân; đồng thời kiểm soát chặt chẽ việc thẩm định và cấp Chứng chỉ hành nghề, Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, dược theo quy định. Đẩy mạnh việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, dân số kế hoạch hoá gia đình.

11. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn hoá, thể thao, du lịch và thông tin truyền thông; thực hiện thường xuyên công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động văn hoá và dịch vụ văn hoá, nhất là các điểm hoạt động Internet. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 43-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020. Tiếp tục tuyên truyền thực hiện "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; "Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá". Xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm du lịch quốc gia. Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án thành phần trong Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo phát huy giá trị đô thị cổ Phố Hiến gắn với phát triển du lịch; Dự án xây dựng Tượng đài cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh. Chú trọng đầu tư cơ sở vật chất cho lĩnh vực thể dục thể thao và thực hiện tốt chế độ ưu đãi tài năng về văn hóa, thể thao. Nâng cao chất lượng và đa dạng các hoạt động thông tin báo chí, phát thanh, truyền hình, kịp thời truyền tải các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước cũng như các thông tin kinh tế - xã hội đến với nhân dân.

12. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách ưu đãi, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần đối với người có công, giải quyết những tồn đọng, chi trả kịp thời; đẩy mạnh phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn". Tổ

chức triển khai các hoạt động kỷ niệm 66 năm Ngày Thương binh liệt sỹ. Tăng cường hoạt động bảo trợ và trợ giúp xã hội. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý cai nghiện và phòng chống mại dâm, các chương trình, dự án hỗ trợ hộ nghèo. Đẩy mạnh phát triển thị trường lao động. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 26/10/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XVII về Chương trình dạy nghề, việc làm, giảm nghèo của tỉnh giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020 và Kế hoạch số 157, 158, 159/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh; Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn. Triển khai tích cực dự án 5 nghề trọng điểm quốc gia và Chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2012-2020.

13. Thực hiện toàn diện nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương năm 2013; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc, đảm bảo trật tự an toàn xã hội; duy trì lực lượng, phương tiện sẵn sàng chiến đấu, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ; hoàn thành 100% các chỉ tiêu về huấn luyện, kiểm tra và nhiệm vụ tuyển quân đợt 2 năm 2013. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; tập trung nắm chắc tình hình an ninh nông thôn trên địa bàn, làm tốt công tác tuyên truyền, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo từ cơ sở, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của công dân, tạo sự đồng thuận trong xã hội, hạn chế khiếu kiện đông người, vượt cấp. Phát hiện, xử lý nghiêm số đối tượng lôi kéo, kích động người tham gia khiếu kiện vi phạm pháp luật. Kịp thời phát hiện, giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế, chính sách với người lao động, hạn chế đình công, lãn công. Tập trung đấu tranh triệt phá, không để hình thành tội phạm có tổ chức hoạt động theo kiểu "xã hội đen", các tụ điểm phức tạp về tệ nạn xã hội. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về an ninh trật tự và an toàn giao thông.

14. Nâng cao năng lực quản lý, chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp, nhất là trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Thường xuyên rà soát, xây dựng cơ chế trên cơ sở quy định của pháp luật để thay thế những quy định không còn phù hợp theo hướng tinh giản, gọn nhẹ và thông thoáng về thủ tục hành chính, tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng điện tử, hiện đại, công khai, minh bạch để người dân và doanh nghiệp dễ tiếp cận và thuận lợi. Tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước và sử dụng vốn nhà nước. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để nâng cao ý thức chấp hành của nhân dân.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2014

I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu

Dự báo năm 2014, kinh tế thế giới và trong nước sẽ có sự phục hồi tích cực hơn, tuy nhiên còn nhiều rủi ro tiềm ẩn và chưa vững chắc. Vì vậy, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên là tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt cao hơn năm 2013 trên cơ sở đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, cơ cấu đầu tư gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế theo đúng Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và theo giải pháp hành động thực hiện Đề án mà tỉnh đã đề ra; bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tăng cường củng cố quốc phòng; nâng cao hiệu quả công tác hội nhập quốc tế.

2. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2014

a) Các chỉ tiêu kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) tăng 8 - 9%;
- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng: 1,5-2,0%;
- Giá trị sản xuất công nghiệp tăng: 9-10%;
- Giá trị sản xuất thương mại, dịch vụ tăng: 11,5-12,5%;
- Cơ cấu nông nghiệp - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ: 18%-49%-33%.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng: 13,5-14,5%
- Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt: 1,65 tỷ USD;
- Thu ngân sách: 6.147,5 tỷ đồng (thu nội địa: 4.300 tỷ đồng; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 1.840 tỷ đồng, thu từ xổ số kiến thiết 7,5 tỷ đồng).
- Thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 35 triệu đồng.

b) Các chỉ tiêu xã hội:

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,92%.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 4%.
- Tạo thêm việc làm mới cho 2,1 vạn lao động.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 52%.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm xuống còn 12%.

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn về y tế (theo tiêu chí mới) đạt 55%.
- Tỷ lệ làng, khu phố văn hóa đạt 85%.
- Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 90%.

c) Các chỉ tiêu môi trường:

- Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg) được xử lý đạt 100%.
- Tỷ lệ KCN, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường 100%.
- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh 89%.
- Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch 95%.
- Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom 87%.

II. NHIỆM VỤ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH VÀ LĨNH VỰC

Với các mục tiêu nêu trên, nhiệm vụ trọng tâm, chủ yếu thực hiện Trong năm 2014 là tiếp tục tập trung thực hiện các Văn bản chỉ đạo, điều hành của Trung ương như: Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ về kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội; Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản tại các địa phương; Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 23/6/2013 về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và đầu tư năm 2014; Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 25/6/2013 về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng XDCB từ nguồn ngân sách Nhà nước và Trái phiếu Chính Phủ. Tiếp tục triển khai đồng bộ và có hiệu quả các chương trình, đề án thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII. Nhiệm vụ, giải pháp chính phát triển ngành, lĩnh vực như sau:

1. Về phát triển kinh tế

a) Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn:

Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020. Thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án, các quy hoạch ngành về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; đặc biệt có cơ chế hỗ trợ trong các lĩnh vực: chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng thương hiệu sản phẩm, hàng hoá nông sản nhãn, hạt sen,...

Chuẩn bị tốt các điều kiện, đặc biệt là giống, thuỷ lợi, vật tư nông nghiệp cho sản xuất. Chỉ đạo có hiệu quả công tác phòng trừ sâu bệnh. Chủ động phương án phòng chống dịch bệnh đàn gia súc, gia cầm và thuỷ sản. Nâng cao năng suất, chất lượng lúa bằng việc sử dụng giống mới năng suất, chất lượng cao, có khả năng kháng bệnh tốt, tiếp tục phát triển mô hình “cánh đồng mẫu lớn” ở những nơi có điều kiện. Tập trung vào phát triển chăn nuôi theo công nghiệp, chăn nuôi trang trại, chăn nuôi tập trung, gắn với chế biến, xử lý chất thải và quản lý dịch bệnh, tạo chuyển biến rõ nét trong sản xuất nông nghiệp

theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung. Chuẩn bị các điều kiện phục vụ công tác phòng, chống lụt bão và quản lý đê điều; nghiêm túc thực hiện chế độ tuần tra gác nước nhằm phát hiện và xử lý sớm các sự cố đê điều sông Hồng, sông Luộc. Tập trung nguồn lực đầu tư các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và phòng, chống lụt bão.

Thực hiện các giải pháp hỗ trợ về vốn, ứng dụng khoa học công nghệ, khuyến khích đưa cơ giới hóa vào sản xuất và tổ chức thị trường để phát triển mạnh sản xuất các sản phẩm nông nghiệp đặc thù, có lợi thế như: Nhãn lồng, chuối tiêu hồng, gà Đông Tảo... Nhân rộng các mô hình chuyển đổi cơ cấu, sản xuất có hiệu quả cao. Kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi sản xuất - chế biến - tiêu thụ.

Đẩy nhanh tiến độ triển khai Đề án xây dựng nông thôn mới. Xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ các địa phương trong việc thực hiện Đề án. Ban hành một số văn bản hướng dẫn, cơ chế chính sách hỗ trợ và quản lý đầu tư các công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật nông thôn mới. Tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn mới đối với 20 xã điểm được lựa chọn; lồng ghép các nguồn vốn để tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Huy động các nguồn vốn từ thu tiền sử dụng đất, vốn vay, ... để hỗ trợ xi măng đầu tư xây dựng các tuyến đường thôn, xóm, đường ra đồng để thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn đồng bộ và đẩy mạnh phong trào Toàn dân chung tay xây dựng nông thôn mới.

b) Phát triển công nghiệp:

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch của ngành đã được phê duyệt, hoàn thiện các quy hoạch đang triển khai đảm bảo tính khả thi cao, đáp ứng được yêu cầu phát triển ngành trong điều kiện mới. Nắm bắt kịp thời những khó khăn, vướng mắc của các nhà đầu tư, các doanh nghiệp, từ đó có các giải pháp cụ thể tháo gỡ nhằm khai thác tối đa năng lực hiện có của các doanh nghiệp, đẩy nhanh hơn tiến độ đầu tư xây dựng các dự án công nghiệp, sớm đưa vào sản xuất nhằm tăng năng lực sản xuất cho toàn ngành; đặc biệt chú trọng tới các doanh nghiệp, dự án sản xuất hàng xuất khẩu và sản xuất các sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu góp phần giảm nhập siêu.

Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư phù hợp nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; hạ tầng thương mại; các dự án có công nghệ cao, quy mô lớn; các dự án chế biến nông sản của tỉnh; các dự án sử dụng nhiều lao động; các dự án phát triển ngành dịch vụ thiết yếu cho sản xuất phục vụ dân sinh.

Nâng cao hiệu quả công tác thu thập, cung cấp thông tin, dự báo tình hình thị trường tới các doanh nghiệp, đẩy mạnh và mở rộng các hoạt động xúc tiến thương mại giúp các doanh nghiệp kịp thời nắm bắt thông tin, diễn biến thị trường, giá cả nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả các hoạt động khuyến công thông qua các nội dung hỗ trợ đào tạo, truyền nghề, đào tạo nâng cao tay nghề; hỗ trợ áp dụng công

nghệ, dây chuyền máy móc thiết bị tiên tiến;... các hoạt động xúc tiến thương mại cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, nhất là các doanh nghiệp công nghiệp nông thôn, các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra hoạt động điều phối và cung ứng điện, sử dụng điện của các tổ chức, cá nhân kinh doanh, sử dụng điện trên địa bàn góp phần sử dụng điện tiết kiệm, giảm tổn thất, đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của doanh nghiệp và nhân dân. Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành, thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng thiết bị, hoá chất độc hại có yêu cầu an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp, chiết nạp và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng; vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường trong sản xuất công nghiệp,....

c) Phát triển các ngành dịch vụ:

Thực hiện đồng bộ nhiều chính sách hỗ trợ các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, có lợi thế phát triển như: Vận tải, tài chính, ngân hàng, viễn thông, thương mại, du lịch tâm linh, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục, đào tạo. Nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành dịch vụ khu vực tư nhân. Khai thác tốt thị trường nội địa, thực hiện có hiệu quả cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam".

Nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng thương mại của tỉnh; nâng cấp các trung tâm thương mại, chợ đầu mối ở thành phố Hưng Yên, khu vực Phố Nối, các thị trấn và những nơi trọng điểm kinh tế, thương mại sôi động đồng thời mở rộng mạng lưới dịch vụ khu vực nông thôn, phát triển các chợ đầu mối huyện, xã nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người sản xuất giao lưu buôn bán, từng bước hoàn thiện hạ tầng thương mại của tỉnh theo Đề án xây dựng, phát triển hạ tầng thương mại nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng chợ Phố Hiến, chợ Như Quỳnh, chợ Bao Bì, chợ Khoái Châu, chợ Văn Giang, chợ Trương Xá. Tăng cường công tác quản lý thị trường, chống gian lận thương mại, hàng không nhãn mác, hàng giả; đảm bảo cung ứng ổn định các mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và tiêu dùng.

Tích cực, chủ động mở rộng thị trường, tận dụng mọi khả năng để tăng kim ngạch xuất khẩu. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại theo hướng chú trọng vào khâu tổ chức và cung cấp thông tin thị trường. Tổ chức triển khai thực hiện tốt các biện pháp đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu, hạn chế nhập siêu và thay thế dần nguyên liệu nhập khẩu bằng nguyên liệu sản xuất trong nước.

Tiếp tục mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các doanh nghiệp và các thành phần kinh tế về hội nhập kinh tế quốc tế, hoạt động thương mại điện tử, cũng như các lộ trình thực hiện cam kết của WTO. Tăng cường cung cấp thông tin, dự báo về thị trường, giá cả, cung cầu, khuyến khích và hỗ trợ xuất khẩu, kiểm soát chặt chẽ hàng hoá nhập khẩu.

d) Thu, chi ngân sách và hoạt động tiền tệ:

Khai thác tốt các nguồn thu gắn với mở rộng cơ chế ủy nhiệm thu; tập trung rà soát các doanh nghiệp đã hết thời hạn ưu đãi để thu thuế theo đúng tình

hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Chú trọng công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật thuế. Đẩy mạnh công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và trốn lậu thuế. Quản lý chặt chẽ chi ngân sách, đảm bảo chi đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả. Thực hiện chi thường xuyên đảm bảo đúng qui định, đúng dự toán, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tăng cường hiệu quả điều hành và quản lý ngân sách nhà nước. Tăng cường công tác quản lý giá, nhất là giá các mặt hàng thiết yếu, đấu tranh chống đầu cơ nâng giá. Nâng cao chất lượng, tiện ích của dịch vụ ngân hàng, tín dụng.

Huy động tối đa nguồn vốn tại địa phương, đồng thời khai thác và sử dụng có hiệu quả, giải ngân kịp thời nguồn vốn điều tiết từ Trung ương, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế cho các dự án tín dụng nông thôn, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

e) Đầu tư phát triển:

Tập trung huy động tối đa và sử dụng hợp lý các nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư nhằm thu hút mạnh hơn nữa vốn đầu tư của khu vực dân cư, tư nhân và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Thực hiện nghiêm túc cơ chế chính sách trong đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các thành phần kinh tế đầu tư phát triển, tích cực vận động các dự án trong và ngoài nước đầu tư vào địa bàn. Huy động đa dạng các hình thức đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo phương thức BOT, BTO, BT có chọn lọc để đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện cơ sở hạ tầng, là tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, ưu tiên đầu tư cho các công trình trọng điểm, tập trung vốn cho các công trình có khả năng hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2014. Nâng cao chất lượng công tác theo dõi, đánh giá, giám sát việc quản lý và sử dụng vốn của các dự án đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước trong tất cả các khâu như quy hoạch, lập dự án, thẩm định, thi công, nghiệm thu, thanh quyết toán đảm bảo việc quản lý và sử dụng vốn một cách công khai và minh bạch. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với nguồn vốn phân cấp cho các huyện, thành phố. Thực hiện các biện pháp để thúc đẩy giải ngân nhanh các nguồn vốn đầu tư phát triển, nhất là nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ, tín dụng đầu tư phát triển nhà nước.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án ODA, hoàn thành dứt điểm dự án hệ thống cấp nước thành phố Hưng Yên và các dự án cấp nước các thị trấn, thị tứ; đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội thành phố Hưng Yên, các dự án thuộc chương trình cấp nước sạch các khu vực dân cư nông thôn vốn vay WB,... Vận động các nhà tài trợ đối với các chương trình, dự án của tỉnh có điều kiện tiếp cận, chất là các lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng và an sinh xã hội.

g) Giao thông vận tải, thông tin và truyền thông:

Thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường, chú trọng vào các tuyến đường thường xảy ra tai nạn như tuyến đường QL5, QL39 và QL38. Thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành lang bảo vệ công trình giao thông, hành lang an toàn giao thông. Nghiên cứu các hình thức đầu tư ngoài ngân sách để huy động các nguồn vốn đầu tư một số tuyến đường giao thông trọng điểm của tỉnh. Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương và các tỉnh liên quan đẩy nhanh tiến độ xây dựng đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng; tuyến đường bộ nối 2 tuyến đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình đoạn qua tỉnh Hưng Yên.

Về lĩnh vực thông tin và truyền thông, tiếp tục triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển bưu chính, viễn thông tỉnh Hưng Yên đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020; triển khai chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở. Tiếp tục bảo đảm tốt thông tin liên lạc phục vụ sự chỉ đạo, điều hành Đảng, chính quyền các cấp trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đẩy mạnh việc ứng dụng rộng rãi và có hiệu quả các chương trình công nghệ thông tin. Phát triển và mở rộng khả năng cung cấp, đồng thời quản lý chặt chẽ các dịch vụ thuê bao di động, Internet đặc biệt là thông tin trên các mạng xã hội nhằm ngăn chặn các hiện tượng cung cấp thông tin sai sự thật, các luận điệu xã hội xuyên tạc, chống phá chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước. Triển khai thực hiện Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Từng bước xây dựng và phát triển công nghệ thông tin trở thành một ngành trọng yếu của tỉnh.

Nâng cao chất lượng và đa dạng các hoạt động thông tin báo chí, phát thanh, truyền hình, kịp thời truyền tải các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước cũng như các thông tin kinh tế – xã hội đến với nhân dân trong tỉnh.

h) Quản lý tài nguyên, môi trường và khoa học:

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân và cộng đồng thực hiện nghiêm pháp luật về tài nguyên và môi trường. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đất đai, luật Bảo vệ môi trường, luật Tài nguyên nước, khoáng sản trên địa bàn để chủ động ngăn ngừa và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường. Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2015 của các huyện, thành phố. Triển khai thực hiện dự án VLAP theo đúng kế hoạch đề ra. Tăng cường công tác ngăn ngừa ô nhiễm môi trường; kiểm soát chặt chẽ từ khâu tiếp nhận các dự án đầu tư. Thực hiện kiểm tra, thanh tra đối với các cơ sở sản xuất, xử lý nghiêm các cơ sở cố tình thải chất thải chưa qua xử lý ra môi trường nhằm hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, đặc biệt là ở các khu công nghiệp; khắc phục tình trạng suy thoái, cải thiện chất lượng môi trường.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh và đời sống, trọng

tâm là lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nhất là các công nghệ mới, công nghệ hiện đại. Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào trong sản xuất công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp nhằm thúc đẩy sản xuất đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm. Nhân rộng mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất rau sạch, rau an toàn để cung cấp cho thị trường trong và ngoài tỉnh. Khuyến khích nông dân áp dụng qui trình chăm sóc các cây, con có giá trị kinh tế cao, đặc trưng của tỉnh như nhãn, chuối tiêu hồng, gà Đông Tảo, hạt sen,... theo công nghệ mới, để nâng cao năng suất, đảm bảo chất lượng và kéo dài thời gian thu hoạch.

2. Về phát triển văn hóa – xã hội

a) Giáo dục, đào tạo:

Tiếp tục thực hiện phát triển giáo dục, đào tạo theo hướng chuẩn hóa để đảm bảo từng bước phát triển toàn diện, vững chắc; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của các bậc học trên cơ sở thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo, Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới cơ chế tài chính giáo dục và đào tạo giai đoạn 2010 - 2015. Thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Từng bước đổi mới phương pháp dạy học, thực hiện tốt việc đánh giá học sinh hoàn thành cấp học, bậc học, thi tốt nghiệp và thi tuyển sinh theo tinh thần cuộc vận động "hai không". Phân đấu tăng tỷ lệ học sinh giỏi quốc gia, quốc tế, học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng và tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT được đào tạo nghề.

Tăng cường cơ sở vật chất. Tiếp tục thực hiện Đề án kiên cố hóa trường, lớp học lồng ghép với phong trào xây dựng nông thôn mới và xã hội hóa xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục để nâng cao tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp học của tỉnh. Chú trọng chất lượng xây dựng trường chuẩn quốc gia. Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Đề án khu đại học Phố Hiến, tạo điều kiện thuận lợi nhất để các trường Đại học và Cao đẳng đăng ký và triển khai xây dựng, sớm đi vào hoạt động đào tạo. Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các Đề án: Mầm non, đổi mới công tác tài chính giáo dục và phổ cập giáo dục bậc trung học.

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo đối với các trường ngoài công lập và giáo dục chuyên nghiệp trên địa bàn. Duy trì và phát triển hệ thống mạng lưới trường trung cấp chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo, các hình thức đào tạo, các hệ đào tạo và các loại hình trường trung cấp chuyên nghiệp. Khuyến khích các trường chuyên nghiệp trên địa bàn gắn kết chặt chẽ với cơ sở sử dụng lao động mở rộng các loại hình đào tạo nghề với ngành nghề phù hợp cho người lao động, đặc biệt là lao động có tay nghề cao, lao động nông nghiệp ở những vùng chuyển đổi đất sang phát triển công nghiệp và dịch vụ. Phân đấu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 52%.

b) Y tế, dân số và chăm sóc sức khoẻ nhân dân:

Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Hợp tác với các bệnh viện tuyến Trung ương nâng cao chất

lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân, phát triển và nâng cao chất lượng các dịch vụ kỹ thuật mới, giảm tỷ lệ bệnh nhân chuyển lên tuyến trung ương. Tiếp tục rà soát các thủ tục hành chính về khám, chữa bệnh để thực hiện giảm thiểu, cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo người bệnh được tiếp cận các dịch vụ y tế thuận tiện. Tổ chức tốt khám, chữa bệnh cho các đối tượng chính sách; thực hiện chăm sóc toàn diện. Giữ vững kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về y tế. Chủ động triển khai công tác y tế dự phòng, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Tăng cường quản lý nhà nước về sản xuất, nhập khẩu, lưu thông, cung ứng thuốc chữa bệnh; quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm. Tăng cường công tác giám sát người nhiễm HIV/AIDS. Đẩy mạnh công tác truyền thông dân số, nâng cao chất lượng hệ thống cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản, chất lượng dân số. Quản lý chặt chẽ công tác siêu âm trong việc chuẩn đoán sớm giới tính thai nhi, nhằm ngăn ngừa tình trạng mất cân đối cơ cấu giới tính, từng bước giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh.

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn về sức khỏe sinh sản và dân số kế hoạch hóa gia đình. Sớm khắc phục tình trạng vô cảm trước người bệnh tại các cơ sở y tế.

c) Văn hoá, thể thao và du lịch:

Tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền cổ động, văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao phục vụ các nhiệm vụ chính trị, các ngày kỷ niệm, ngày lễ lớn của đất nước. Tiếp tục tuyên truyền cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Thực hiện nghiêm nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn hoá, thể thao và du lịch, thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra các hoạt động văn hoá, dịch vụ văn hoá, thể thao. Nâng cao chất lượng làng, khu phố và gia đình văn hoá, phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở, xây dựng cơ quan, đơn vị, trường học văn hoá,... Tu bổ, tôn tạo, nâng cấp các công trình di tích lịch sử văn hoá gắn với phát triển du lịch tâm linh. Vận động vốn ODA Ba Lan để triển khai từng phần các dự án trong Quy hoạch tổng thể bảo tồn tôn tạo và phát huy giá trị đô thị cổ Phố Hiến gắn với phát triển du lịch, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện đầu tư xây dựng Tượng đài cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh.

Tăng cường quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao, du lịch; đẩy mạnh xã hội hoá văn hoá thể dục thể thao và du lịch, chú trọng đầu tư cơ sở vật chất cho lĩnh vực thể dục thể thao; triển khai dự án khu liên hợp thể dục thể thao tinh theo hình thức Hợp đồng BT. Phát triển và mở rộng thể dục thể thao quần chúng để tăng cường thể lực cho các tầng lớp nhân dân. Tập trung đầu tư đúng hướng và có hiệu quả cho công tác đào tạo vận động viên thành tích cao.

d) Công tác lao động, người có công và xã hội:

Thường xuyên quan tâm đến các đối tượng chính sách. Mua bảo hiểm y tế cho các hộ nghèo và cận nghèo. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", "Bảo trợ trẻ em", công tác giảm nghèo, thông qua các chương trình, dự án hỗ trợ các hộ nghèo để thoát nghèo, phấn đấu giảm tỷ lệ hộ xuống còn 4%. Thực hiện tốt các chính sách bảo trợ xã hội, chú trọng chăm lo cho trẻ em có

hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Theo dõi và quản lý các đối tượng sử dụng ma túy, mại dâm theo hình thức tập trung và tại gia đình. Nâng cao hiệu quả các chương trình, dự án hỗ trợ hộ nghèo theo hướng bền vững.

Tập trung giải quyết việc làm cho người lao động, phấn đấu tạo thêm việc làm cho 2,1 vạn lao động trong năm 2014, phấn đấu giảm tỷ lệ thất nghiệp xuống dưới 3,5% khu vực thành thị và tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn đạt trên 85%. Đẩy mạnh công tác dạy nghề cho lao động, đặc biệt là lao động nông thôn, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 52%, chú trọng lao động trình độ cao. Khuyến khích các hình thức liên kết giữa cơ sở sử dụng lao động với cơ sở đào tạo. Thực hiện xã hội hóa trong giáo dục và đào tạo và dạy nghề.

3. Về cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí; khiếu nại tố cáo

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính; củng cố, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp. rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền đã ban hành, kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ những quy định không còn phù hợp.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất và năng lực. Thực hiện tốt công tác thanh tra công vụ, triển khai thực hiện nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

Duy trì chặt chẽ chế độ công vụ của cơ quan theo quy chế; tăng cường phân cấp để nâng cao chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Về quốc phòng và An ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội

Tăng cường nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Đảm bảo ổn định an ninh, trật tự ở nông thôn, khu công nghiệp và đô thị. Triển khai thực hiện hiệu quả chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, chương trình hành động phòng chống ma túy, mại dâm, nhất là các khu vực, điểm nóng tại các địa bàn trong tỉnh. Tăng cường tuần tra, kiểm soát giao thông; chú trọng công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Quản lý chặt chẽ nhân khẩu, hộ khẩu, vũ khí, vật liệu cháy, nổ.

Giải quyết kịp thời, có hiệu quả các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, chú trọng các vụ việc tồn đọng, bức xúc, kéo dài, đảm bảo quyền dân chủ của nhân dân, củng cố niềm tin trong nhân dân. Đẩy mạnh công tác phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng, buôn lậu, trốn thuế.

Tiếp tục xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh ngày càng vững chắc, duy trì nghiêm các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Triển khai thực hiện tốt công tác huấn luyện, diễn tập, công tác giáo dục quốc phòng theo kế hoạch và hoàn thành chỉ tiêu huy động lực lượng dự bị động viên kiểm tra sẵn sàng chiến đấu và tham gia huấn luyện và chỉ tiêu tuyển quân năm 2014.

C. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ.

- Chính phủ có Nghị quyết số 62/NQ-CP ngày 23/5/2013 phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của tỉnh Hưng Yên và giao UBND tỉnh Hưng Yên quản lý và tổ chức thực hiện cấp đất theo quy hoạch. Tuy nhiên, tại Nghị định 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa quy định khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa cho mục đích sử dụng khác phải báo cáo xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ. Do đó hiện nay nhiều các dự án (cả vốn ngân sách nhà nước và vốn của các nhà đầu tư) khi thực hiện thu hồi đất lúa hiện tại nhưng không nằm trong quy hoạch đất lúa tỉnh vẫn phải gửi văn bản Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo Thủ tướng Chính phủ đồng ý mới được triển khai nên mất nhiều thời gian và ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả dự án. Đề nghị chỉ quy định đối với dự án sử dụng đất trong quy hoạch đất lúa, còn ngoài quy hoạch đất lúa thì UBND tỉnh quyết định.

- Đề án xây dựng khu đại học Phố Hiến tại thành phố Hưng Yên đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 999/QĐ-TTg ngày 10/7/2009, với diện tích 1.000 ha, quy mô đào tạo 80 - 100 nghìn sinh viên. Hiện nay, Trường Đại học Thủy lợi đang triển khai thi công xây dựng, Trường Đại học Chu Văn An đang tổ chức đào tạo. Các trường đại học: Giao thông vận tải, Ngoại thương, Học Viện Phụ Nữ, Học viện Mật mã,... đã có văn bản xin đầu tư cơ sở đào tạo tại Khu. Đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương có cơ chế hỗ trợ và tạo điều kiện để các trường chuyển từ Hà Nội về Khu đại học Phố Hiến.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên trân trọng báo cáo! ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo văn phòng;
- Lưu VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Thơi

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ TỔNG HỢP

Tỉnh Hưng Yên

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Năm 2013						Kế hoạch 2014	Ước thực hiện 2013 so với thực hiện 2012 (%)	Kế hoạch 2014 so với ước thực hiện 2013 (%)
			Thực hiện 2012	Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7		
1	Tổng giá trị gia tăng (giá cố định năm 2010)	Tỷ đồng	24.971	27.040	16.042	26.785	28.985	107,27	108,21		
	<i>Trong đó:</i>										
	+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	4.806	4.860	3.150	4.835	4.885	100,60	101,03		
	+ Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	12.472	13.600	8.206	13.400	14.550	107,44	108,58		
	+ Dịch vụ	Tỷ đồng	7.693	8.580	4.686	8.550	9.550	111,14	111,70		
2	Tổng giá trị gia tăng (giá hiện hành)	Tỷ đồng	31.085	36.070	18.900	35.598	40.910	114,52	114,92		
	<i>Trong đó:</i>										
	+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	6.427	6.850	3.950	6.898	7.360	107,33	106,70		
	+ Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	15.132	17.500	8.750	17.200	20.050	113,66	116,57		
	+ Dịch vụ	Tỷ đồng	9.526	11.720	6.200	11.500	13.500	120,72	117,39		
3	Giá trị gia tăng bình quân đầu người	Triệu đồng	27,15	31,20	16,44	30,81	35,09	113,48	113,88		
4	Cơ cấu Tổng giá trị gia tăng theo ngành kinh tế (giá hiện hành)		100	100	100	100	100	100,00	100,00		
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	20,67	18,99	20,90	19,38	17,99	93,73	92,84		
	- Công nghiệp và xây dựng	%	48,68	48,52	46,30	48,32	49,01	99,25	101,43		
	- Dịch vụ	%	30,65	32,49	32,80	32,31	33,00	105,42	102,15		
5	Cơ cấu Tổng giá trị gia tăng theo thành phần kinh tế (giá hiện hành)		100	100	100	100	100	100,00	100,00		
	- Quốc doanh	%	17	17,5	17,3	17,5	17,5	102,94	100,00		

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2012	Năm 2013				Kế hoạch 2014	Ước thực hiện 2013 so với thực hiện 2012 (%)	Kế hoạch 2014 so với ước thực hiện 2013 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm				
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7	
	- Kinh tế ngoài quốc doanh	%	72	71	71,2	71,2	70	98,89	98,31	
	- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	%	11	11,5	11,5	11,3	12,5	102,73	110,62	
6	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	14.387	16.800	7.884	16.100	18.300	111,91	113,66	
7	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn	Triệu USD	1.095	1.250	749	1.350	1.650	123,29	122,22	
	<i>Trong đó: Xuất khẩu địa phương (quan lý)</i>	Triệu USD	595	650	300	650	750	109,24	115,38	
8	Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn	Triệu USD	1.739	1.500	941	2.130	2.150	122,48	100,94	
	<i>Trong đó: Nhập khẩu địa phương (quan lý)</i>	Triệu USD	1.739	1.500	941	2.130	2.150	122,48	100,94	
9	Thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	4.627,4	5.429,5	2.856,0	5.012,5	6.147,5	108,32	122,64	
	<i>Trong đó:</i>									
	- Thu thuế xuất, nhập khẩu	Tỷ đồng	918,2	1.005,0	800,0	1.005,0	1.840,0	109,45	183,08	
	- Thu xổ số kiến thiết	Tỷ đồng	8,6	7,5	6,0	7,5	7,5	87,21	100,00	
	- Thu nội địa	Tỷ đồng	3.700,6	4.417,0	2.050,0	4.000,0	4.300,0	108,09	107,50	
	<i>Trong đó:</i>									
	+ Thu từ kinh tế Trung ương	Tỷ đồng	176,8	180,0	108,0	200,0	225,0	113,13	112,50	
	+ Thu quốc doanh địa phương	Tỷ đồng	15,9	16,0	7,5	16,0	16,0	100,39	100,00	
	+ Thu ngoài quốc doanh	Tỷ đồng	1.392,5	1.830,0	830,0	1.600,0	1.740,0	114,90	108,75	
	+ Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	Tỷ đồng	933,7	900,0	400,0	750,0	860,0	80,32	114,67	
10	Ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách địa phương (hoặc điều tiết về Ngân sách Trung ương)	Tỷ đồng	964	947	519	1080	2147	111,96	198,88	

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2012	Năm 2013			Kế hoạch 2014	Ước thực hiện 2013 so với thực hiện 2012 (%)	Kế hoạch 2014 so với ước thực hiện 2013 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
11	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	6.511	5.361	2.660	6.474	7.655	99,42	118,25
a)	Chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý	Tỷ đồng	1.880	1.390	885	1.783	2.050	94,83	114,97
	- Vốn cân đối ngân sách địa phương	Tỷ đồng	911	1.099	656	1.099	1.300	120,64	118,29
	<i>Trong đó: Đầu tư từ nguồn sử dụng đất</i>	Tỷ đồng	374	717	350	717	750	191,71	104,60
	- Hỗ trợ có mục tiêu từ Ngân sách Trung ương	Tỷ đồng	184	194	194	194	250	105,43	128,87
	- Nguồn ngân sách khác	Tỷ đồng	785	97	35	490	500	62,41	102,04
b)	Chi thường xuyên	Tỷ đồng	3.668	3.606	1.690	4.184	5.242	114,05	125,31
	<i>Trong đó:</i>								
	- Chi cho sự nghiệp giáo dục	Tỷ đồng	1.233	1.393	725	1.513	2.032	122,71	134,30
	- Chi cho sự nghiệp y tế	Tỷ đồng	616	426	217	452	839	73,38	185,62
	- Chi cho sự nghiệp khoa học công nghệ	Tỷ đồng	20	19	14	29	22	145,00	75,86
	- Chi cho quản lý hành chính Nhà nước	Tỷ đồng	834	774	408	825	909	98,92	110,18
12	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	17.481,0	19.440,0	8.882,0	19.440,0	20.800,0	111,21	107,00
	- Trung ương quản lý	Tỷ đồng	520	650	302	650	700	125,00	107,69
	- Địa phương quản lý	Tỷ đồng	14.850	16.290	7.380	16.290	17100	109,70	104,97
	- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	Triệu USD	105,5	125	60	125	150	118,48	120,00
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Bên Việt Nam	Triệu USD	10	15	7	15	20	150,00	133,33
	+ Bên nước ngoài	Triệu USD	95,5	110	53	110	130	115,18	118,18

CÁC CHỈ TIÊU NÔNG NGHIỆP, CÔNG NGHIỆP, DỊCH VỤ, XUẤT NHẬP KHẨU

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2012	Năm 2013			Kế hoạch 2014	Ước thực hiện 2013 so với thực hiện 2012 (%)	Kế hoạch 2014 so với ước thực hiện 2013 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
A	NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN								
1	Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản theo giá cố định 2010	Tỷ đồng	10.585	10.743	6.498	10.710	10.875	101,19	101,54
	- Nông nghiệp:	Tỷ đồng	9.888	10.026	5.989	9.995	10.135	101,08	101,40
	- Trồng trọt	Tỷ đồng	6.306	6.333	4.104	6.310	6.350	100,06	100,63
	- Chăn nuôi	Tỷ đồng	3.397	3.503	1.790	3.495	3.590	102,88	102,72
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	185	190	95	190	195	102,70	102,63
	- Lâm nghiệp	Tỷ đồng	12	12	8	12	12	100,87	100,86
	- Thủy sản:	Tỷ đồng	685	706	501	704	728	102,70	103,50
	- Nuôi trồng	Tỷ đồng	658	678	486	676	700	102,74	103,55
	- Khai thác	Tỷ đồng	27	28	15	28	28	101,85	102,18
2	Sản phẩm chủ yếu:								
	Cây lương thực có hạt	Hạ	89.602	89.228	47.639	89.730	88.950	100,14	99,13
	- Cây lúa	Hạ	81.782	80.700	40.416	81.200	80.500	99,29	99,14
	+ Năng suất	Tạ/Ha	65	65	68	65	65	100,57	100,00
	+ Sản lượng	Tấn	528.557	523.124	273.500	527.800	523.250	99,86	99,14
	- Cây ngô	Hạ	7.820	8.528	7.223	8.530	8.450	109,08	99,06
	+ Năng suất	Tạ/Ha	60	62	62	62	62	103,63	100,00

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2012	Năm 2013			Kế hoạch 2014	Ước thực hiện 2013 so với thực hiện 2012 (%)	Kế hoạch 2014 so với ước thực hiện 2013 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
	+ Sản lượng	Tấn	46.785	52.874	39.997	52.886	52.390	113,04	99,06
	Các loại cây lấy bột	Ha	965	1.230	690	1.100	1.100	113,99	100,00
	<i>Trong đó:</i>								
	- Cây khoai lang	Ha	667	940	651	700	700	104,95	100,00
	+ Năng suất	Tạ/Ha	139	153	145	145	150	104,20	103,45
	+ Sản lượng	Tấn	9.281	14.405	9.611	10.150	10.500	109,36	103,45
	Cây công nghiệp hàng năm	Ha	3.330	3.667	2.350	3.400	3.400	102,10	100,00
	<i>Trong đó:</i>								
	- Cây đậu tương	Ha	2.390	2.500	1.555	2.450	2.500	102,51	102,04
	+ Năng suất	Tạ/Ha	20	21	19	21	21	101,57	101,55
	+ Sản lượng	Tấn	4.866	5.170	2.953	5.067	5.250	104,12	103,62
	- Cây lạc	Ha	1.000	1.030	793	1.030	1.000	103,00	97,09
	+ Năng suất	Tạ/Ha	34	34	31	34	34	102,54	98,98
	+ Sản lượng	Tấn	3.350	3.538	2.422	3.538	3.538	105,61	100,00
	Cây ăn quả	Ha	3.970	4.011	4.011	4.011	4.025	101,03	100,35
	- Chuối	Ha	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	100,00	100,00
	- Cam	"	1.900	1.938	1.938	1.938	1.950	102,00	100,62
	- Táo	"	250	251	251	251	250	100,40	99,60
	- Cây khác	"	420	422	422	422	425	100,48	100,71
3	Chăn nuôi					0			

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2012	Năm 2013			Kế hoạch 2014	Ước thực hiện 2013 so với thực hiện 2012 (%)	Kế hoạch 2014 so với ước thực hiện 2013 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
	- Thịt hơi các loại	Tấn	122.186	124.040	67.144	126.240	131.450	103,32	104,13
	+ Trâu, bò	Tấn	3.006	3.050	1.501	3.150	3.250	104,79	103,17
	+ Lợn	Tấn	96.580	97.170	52.334	98.990	102.800	102,50	103,85
	+ Gia cầm	Tấn	22.600	23.820	13.309	24.100	25.400	106,64	105,39
	- Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản	Tấn	29.600	30.190	15.678	31.642	33.396	106,90	105,54
	<i>Chia ra:</i>								
	+ Sản lượng nuôi trồng thủy sản	Tấn	29.120	29.690	15.293	31.130	32.860	106,90	105,56
	+ Sản lượng khai thác	Tấn	480	500	385	512	536	106,67	104,69
B	CÔNG NGHIỆP								
1	Giá trị sản xuất công nghiệp (IIP - giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	64.989	72.500	35.369	70.238	76.910	108,08	109,50
	- Công nghiệp khai thác	Tỷ đồng	34	40	19	38	42	110,40	109,21
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	63.415	70.710	34.500	68.500	75.000	108,02	109,49
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước	Tỷ đồng	1.539	1.750	850	1.700	1.868	110,44	109,88
2	Một số sản phẩm chủ yếu:								
	Gạch nung các loại	Triệu viên	323	370	155	325	350	100,49	107,69
	Quần áo các loại	Triệu chiếc	83	94	24	52	95.000	62,09	184466,02
	Lắp ráp xe máy	1.000 chiếc	93	225	44	92	230.000	98,79	251366,12
	Sản xuất và lắp ráp tivi	1.000 cái	679	800	354	710	950.000	104,50	133802,82
	Thép cán các loại	1.000 tấn	924	1.040	487	990	1.200.000	107,11	121212,12
	Mỹ ăn liền	Tấn	84.623	90.000	44.483	90.000	11.000	106,35	12,22
	Thức ăn gia súc, gia cầm	1.000 tấn	633	700	328	665	350.000	105,14	52631,58

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2012	Năm 2013			Kế hoạch 2014	Ước thực hiện 2013 so với thực hiện 2012 (%)	Kế hoạch 2014 so với ước thực hiện 2013 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
	Điện thương phẩm	Triệu KW/h	1.679	1.790	910	1.890	2.150	112,57	113,76
C	DỊCH VỤ								
	- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (giá hiện hành)	Tỷ đồng	14.387	16.800	7.884	16.100	18.300	111,91	113,66
	- Doanh thu ngành dịch vụ (giá hiện hành)	Tỷ đồng	23.500	26.250	12.960	26.130	29.500	111,19	112,90
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Thương nghiệp	Tỷ đồng	21.935	24.500	12.100	24.350	27.450	111,01	112,73
	+ Khách sạn, nhà hàng	Tỷ đồng	900	1.000	510	1.030	1.200	114,44	116,50
	+ Dịch vụ	Tỷ đồng	665	750	350	750	850	112,78	113,33
D	XUẤT NHẬP KHẨU								
	- Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu:								
	+ Giấy, dép các loại	Triệu USD	35	50	44	50	70	142,86	140,00
	+ Sắt thép và các sản phẩm từ sắt thép	Triệu USD	125	150	75	180	220	144,00	122,22
	+ Dây điện	Triệu USD	29	35	25	45	60	154,11	133,33
	+ Hàng dệt may	Triệu USD	627	750	389	850	1.050	135,57	123,53
	- Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu:								
	+ Vải may mặc	Triệu USD	336	380	165	375		111,57	0,00
	+ Phụ liệu may mặc	Triệu USD	223	250	125	250		112,31	0,00
	+ Sắt thép	Triệu USD	368	400	137	350		95,06	0,00
	+ Linh kiện điện tử	Triệu USD	225	250	221	270		119,79	0,00

CÁC CHỈ TIÊU XÃ HỘI

Tỉnh Hưng Yên

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2012	Năm 2013			Kế hoạch 2014	Ước thực hiện 2013 so với thực hiện 2012 (%)	Kế hoạch 2014 so với ước thực hiện 2013 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
I	DÂN SỐ								
	- Dân số trung bình	Ngh. người	1.145	1.156	1.150	1.155	1.166	100,92	100,92
	- Tỷ lệ tăng dân số	%	0,94	0,97	0,92	0,92	0,92	97,34	100,49
	- Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	0,2	0,2	0,1	0,18	0,2	90,00	111,11
	- Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai so với 100 bé gái)		118	117	120	119	117	100,85	98,32
	- Tuổi thọ trung bình	Tuổi	76	77	77	77	78	101,32	101,30
II	LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM								
	- Tổng số lao động đang làm việc	Ngh. người	721,31	727,1	725,3	727,1	730	100,80	100,40
	- Số lao động được tạo việc làm mới	Ngh. người	18	19	8,94	19	21	105,56	110,53
	<i>Trong đó: Nữ</i>	Ngh. người							
	- Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Ngh. người	2,7	2,9	1,026	2,9	3	107,41	103,45
	- Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	46	49	47,5	49	52	106,52	106,12
III	GIẢM NGHÈO								
	- Tổng số hộ của toàn tỉnh/thành phố	Nghìn hộ	316,353	318	317,2	318	322	100,52	101,26
	- Số hộ nghèo	Nghìn hộ	22,15	17,17	19,3	17,17	16	77,52	93,19

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2012	Năm 2013			Kế hoạch 2014	Ước thực hiện 2013 so với thực hiện 2012 (%)	Kế hoạch 2014 so với ước thực hiện 2013 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
	- Tỷ lệ hộ nghèo	%	6,77	5,4	6,2	5,4	4,0	79,76	74,07
	- Số hộ thoát nghèo	Nghìn hộ	3.693	4.650	2.250	4.650	4.600	125,91	98,92
IV CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU									
	- Tổng số xã của toàn tỉnh/thành phố	Xã	161	161	161	161	161	100,00	100,00
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Số xã có đường ô tô đến trung tâm	Xã	161	161	161	161	161	100,00	100,00
	+ Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm	%	100	100	100	100	100	100,00	100,00
	+ Số xã có trạm y tế	Xã	161	161	161	161	161	100,00	100,00
	+ Tỷ lệ xã có trạm y tế	%	100	100	100	100	100	100,00	100,00
	+ Số xã có bưu điện văn hoá xã	Xã	161	161	161	161	161	100,00	100,00
	+ Tỷ lệ xã có bưu điện văn hoá xã	%	100	100	100	100	100	100,00	100,00
	+ Số xã có chợ xã, liên xã	xã	100	110	105	110	110	110,00	100,00
	+ Tỷ lệ xã có chợ xã, liên xã	%	62,1	68,3	65,2	68,3	70	109,98	102,49
	- Số hộ được sử dụng điện	Hộ	316.353	318.000	317	318.000	322.000	100,52	101,26
	- Tỷ lệ hộ được sử dụng điện	%	100	100	100	100	100	100,00	100,00
	- Số hộ được sử dụng nước sạch	Hộ	288.514	293.500	289.500	291.500	298.800	101,03	102,50
	- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch	%	91,2	92,3	91,3	91,7	92,8	100,51	101,23
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Khu vực thành thị	%	92,5	93,5	92,7	93,5	95	101,08	101,60

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2012	Năm 2013			Kế hoạch 2014	Ước thực hiện 2013 so với thực hiện 2012 (%)	Kế hoạch 2014 so với ước thực hiện 2013 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
	+ Khu vực nông thôn	%	86	87	87	88	89	102,33	101,14
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh	%	86	87	87	88	89	102,33	101,14
	- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch	%	92,5	93,5	92,7	93,5	95	101,08	101,60
V	Y TẾ - XÃ HỘI								
	- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	53,1	60	56,5	60	70		
	- Số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	Ngàn người							
	- Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường tạm y tế xã)	Giường	20,29	21,5	21,54	21,54	22	106,16	102,14
	- Số bác sỹ/10.000 dân	Bác sỹ	5,2	5,5	5,5	5,5	5,6	105,77	101,82
	- Tỷ lệ trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế (theo chuẩn mới 2011-2020)	%	20	40	35	40	55	200,00	137,50
	- Tỷ lệ từ vong trẻ em dưới 5 tuổi	‰	1,9	1,8	1,8	1,8	1,75	94,74	97,22
	- Tỷ lệ từ vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	1,4	1,35	1,35	1,35	1,33	96,43	98,52
	- Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi	%	14,5	14	14,3	13,5	12	93,10	88,89
	- Tỷ suất chết mẹ/100.000 trẻ đẻ sống	ca	14	13	13	13	13	92,86	100,00
	- Số xã, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	xã, phường	100	120	115	120	130	120,00	108,33
	- Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em	%	62,1	74,5	71,43	74,5	80,75	119,97	108,39
VI	VĂN HOÁ								
	- Số xã phường có nhà văn hoá, thư viện	xã, phường	140	145	145	145	150	103,57	103,45

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2012	Năm 2013			Kế hoạch 2014	Ước thực hiện 2013 so với thực hiện 2012 (%)	Kế hoạch 2014 so với ước thực hiện 2013 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
	- Số hộ xem được Đài Truyền hình Việt Nam	Hộ	316.353	318.000	317.200	318.000	322.000	100,52	101,26
	- Tỷ lệ hộ xem được Đài Truyền hình Việt Nam	%	100	100	100	100	100	100,00	100,00
	- Số hộ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam	Hộ	316.353	318.000	317.200	318.000	322.000	100,52	101,26
	- Tỷ lệ hộ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam	%	100	100	100	100	100	100,00	100,00
VII GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO									
	- Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh	235.111	229.670		232.310	229.350	98,81	98,73
	+ Mẫu giáo	Học sinh	57.556	50.000		55.560	51.150	96,53	92,06
	+ Tiểu học	Học sinh	80.503	80.300		80.350	80.200	99,81	99,81
	+ Trung học cơ sở	Học sinh	59.929	62.000		60.300	60.500	100,62	100,33
	+ Trung học phổ thông	Học sinh	37.123	37.370		36.100	37.500	97,24	103,88
	- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	97,5	98,7		98,8	99,1	101,33	100,30
	- Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi:								
	+ Tiểu học	%	99,5	99,6		99,6	100	100,10	100,40
	+ Trung học cơ sở	%	99,2	99,6		99,6	100	100,40	100,40
	+ Trung học phổ thông	%	78,2	84,5		84,5	86	108,06	101,78

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VÀ KINH TẾ TẬP THỂ

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2012	Năm 2013			Kế hoạch 2014	Ước thực hiện 2013 so với thực hiện 2012 (%)	Kế hoạch 2014 so với ước thực hiện 2013 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
A PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP									
I Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN)									
1	Số DNNN đang hoạt động	DN	6	6	6	6	6	100,00	100,00
	Trong đó: - Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước	DN	5	5	5	5	5	100,00	100,00
	- Doanh nghiệp > 50% vốn Nhà nước	DN	1	1	1	1	1	100,00	100,00
2	Số DNNN cổ phần hóa	DN	0	0	0	0	0		
3	Số DNNN thực hiện hình thức sắp xếp khác (thoái vốn, giao bán, hợp nhất, giải thể, phá	DN	1	0	0	0	0		
4	Tổng vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp	Triệu đồng	871.390	871.390	421.300	871.390	871.390	100,00	100,00
5	Tổng vốn Điều lệ	Triệu đồng	734.930	734.930	362.550	734.930	734.930	100,00	100,00
6	Đóng góp ngân sách	Triệu đồng	9.813	9.813	4.753	9.813	9.813	100,00	100,00
II Doanh nghiệp ngoài nhà nước									
1	Số doanh nghiệp đang hoạt động lũy kế đến kỳ báo cáo	DN	4.565	5.115	4.819	5.115	4.715	112,05	92,18
2	Số doanh nghiệp kinh doanh có lãi	DN							
3	Số lao động trong doanh nghiệp	Người	94.961	104.961	98.961	104.961	116.500	110,53	110,99
	Trong đó lao động nữ	Người	47.750	50.000	46.949	50.000	54.000	104,71	108,00

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2012	Năm 2013			Kế hoạch 2014	Ước thực hiện 2013 so với thực hiện 2012 (%)	Kế hoạch 2014 so với ước thực hiện 2013 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
4	Thu nhập bình quân người lao động	Triệu đồng	39,80	40,00	20,50	40,00	45,00	100,50	112,50
5	Tổng vốn đầu tư thực hiện	Triệu đồng	5.301.997	5.350.000	2.881.309	5.350.000	5.550.000	100,91	103,74
6	Doanh thu thuần	Triệu đồng	68.519.570	70.500.000	36.346.816	70.500.000	72.000.000	102,89	102,13
7	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.155.686	1.300.000	965.000	1.300.000	1.600.000	112,49	123,08
8	Đóng góp ngân sách	Triệu đồng	1.392.516	1.500.000	812.000	1.500.000	1.650.000	107,72	110,00
9	Tổng ngân sách thực hiện các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn	Triệu đồng	-	2.431	-	-	2.500		
B PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ									
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	264	269	268	269	279	101,89	103,72
	<i>Trong đó: thành lập mới</i>	HTX	1	5	4	5	10	500,00	200,00
2	Tổng số Liên hiệp hợp tác xã	LHHTX							
	<i>Trong đó: thành lập mới</i>	LHHTX							
3	Tổng số xã viên hợp tác xã	người	55.823	55.773	55.823	56.223	55.823	100,72	99,29
	<i>Trong đó: Xã viên mới</i>	người	10	200	150	200	400	2.000,00	200,00
4	Tổng doanh thu hợp tác xã	Triệu đồng	1.177.600	1.236.000	591.000	1.236.000	1.297.800	104,96	105,00
	<i>Trong đó: doanh thu cung ứng cho xã viên</i>	Triệu đồng							
5	Tổng số lãi trước thuế của hợp tác xã	Triệu đồng	14.465	15.188	7.594	15.188	15.947	105,00	105,00
6	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người	1.558	1.583	1.587	1.583	1.633	101,60	103,16
	<i>Trong đó: + Số có trình độ trung cấp, cao đẳng</i>	Người							
	<i>+ Số có trình độ Đại học trở lên</i>	Người							

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2012	Năm 2013			Kế hoạch 2014	Ước thực hiện 2013 so với thực hiện 2012 (%)	Kế hoạch 2014 so với ước thực hiện 2013 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
7	Tổng số lao động trong HTX	Người	12.200	12.400	12.360	12.400	12.850	101,64	103,63
	<i>Trong đó: tổng số lao động là xã viên HTX</i>	Người	8.000	8.150	8.110	8.150	8.450	101,88	103,68
8	Thu nhập bình quân mỗi lao động của HTX	Triệu đồng	2	2	2	2	2	100,00	100,00

DẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

Tỉnh Hưng Yên

Mã chi tiêu	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2012	6 tháng đầu năm 2013			Cả năm 2013			Dự kiến 2014	
				6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2013	So cùng kỳ (%)	Kế hoạch 2013	Ước TH 2013	Ước TH 2013/ TH2012 (%)	Kế hoạch 2014	Kế hoạch 2014/ Ước TH 2013 (%)
1	2	3	4	5	6	7=(6)/5	8	9	10=(9)/(4)	11	12=(11)/(9)
A	Tình hình thực hiện										
A1	Vốn đầu tư thực hiện	Triệu USD	421	118	241	204	363	350	83	400	114
A2	Trong đó, từ nước ngoài	Triệu USD	407,7	82	187	229	342	330	81	375	114
A3	Doanh thu	Triệu USD	700	380	459	121	700	900	129	1.100	122
A4	Số lao động	người	32000	31.500	32.500	103	31.500	32.500	102	34.000	105
A5	Nợ ngân sách	Triệu USD	23,5	10	18	176	27	25	106	30	120
B	Tình hình cấp giấy chứng nhận đầu tư										
B1	Cấp mới										
B11	Số dự án	Dự án	25	8	15	188	25	30	120	25	83
B12	Vốn đầu tư đăng ký mới	Triệu USD	237	87	56	65	300	350	148	240	69
B2	Điều chỉnh vốn										
B21	Số lượt dự án điều chỉnh tăng vốn	lượt dự án	21	16	5	31	10	15	71	30	200
B22	Vốn đầu tư điều chỉnh tăng	Triệu USD	187	92	29	31	100	150	80	110	73
B23	Số lượt dự án điều chỉnh giảm vốn	lượt dự án									
B24	Vốn đầu tư điều chỉnh giảm	Triệu USD									
B3	Vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm	Triệu USD	424	179	85	47	400	500	118	350	70

Mã chỉ tiêu	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2012	6 tháng đầu năm 2013			Cả năm 2013			Dự kiến 2014	
				6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2013	So cùng kỳ (%)	Kế hoạch 2013	Ước TH 2013	Ước TH 2013/ TH2012 (%)	Kế hoạch 2014	Kế hoạch 2014/ Ước TH 2013 (%)
1	2	3	4	5	6	7=(6)/(5)	8	9	10=(9)/(4)	11	12=(11)/(9)
C	Tình hình thu hồi giấy chứng nhận đầu tư										
C1	Số dự án	Dự án	5	2	0	0	0				
C2	Vốn đăng ký	Triệu USD	10	5	0	0	0				
D	Tình hình tiếp nhận										
D1	Số dự án tiếp nhận	Dự án	29	8	15	188					
D2	Vốn đăng ký của các dự án tiếp nhận	Triệu USD	254	87	61	71					
	Trong đó, đã cấp giấy chứng nhận đầu tư										
D3	Số dự án	Dự án	25	8	15	188					
D4	Vốn đăng ký	Triệu USD	237	87	61	71					
	Chưa cấp										
D5	Số dự án	Dự án	4	1	6	600					
D6	Vốn đăng ký	Triệu USD	17	12	5	39					

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN QUY HOẠCH

Tỉnh Hưng Yên

Đơn vị: Triệu đồng

TT		Cấp phê duyệt	Thời gian bắt đầu - kết thúc	Tổng dự toán được duyệt	Năm 2013		Kế hoạch năm 2014		
					Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Tổng số	Trong đó	
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ			40.200	10.200	10.200	25.200	25.200	
I	Dự án quy hoạch chuyển tiếp:			5.700	5.700	5.700	5.700	5.700	
1	Quy hoạch chung xây dựng huyện Văn Giang đến năm 2030	UBND tỉnh Hưng Yên	2013-2014	400	400	400	400	400	
2	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi đến năm 2025	UBND tỉnh Hưng Yên	2013-2014	300	300	300	300	300	
3	Quy hoạch phát triển điện lực huyện Khoái Châu giai đoạn 2011-2015, có xét đến năm 2020	UBND tỉnh Hưng Yên	2013-2014	600	600	600	600	600	
4	Quy hoạch phát triển điện lực huyện Ân Thi giai đoạn 2011-2015, có xét đến năm 2020	UBND tỉnh Hưng Yên	2013-2014	500	500	500	500	500	
5	Quy hoạch phát triển điện lực huyện Kim Động giai đoạn 2011-2015, có xét đến năm 2020	UBND tỉnh Hưng Yên	2013-2014	500	500	500	500	500	
6	Quy hoạch phát triển điện lực huyện Tiên Lữ giai đoạn 2011-2015, có xét đến năm 2020	UBND tỉnh Hưng Yên	2013-2014	500	500	500	500	500	
7	Quy hoạch phát triển điện lực huyện Phù Cừ giai đoạn 2011-2015, có xét đến năm 2020	UBND tỉnh Hưng Yên	2013-2014	500	500	500	500	500	

ý hoạch cấp nước sạch và vệ sinh đi trường nông thôn tỉnh hưng yên năm 2020 định hướng 2030	UBND tỉnh Hưng Yên	2013-2014	600	600	600	600	600	600	600	600	600	
ý hoạch phát triển nông nghiệp, ng thôn tỉnh Hưng Yên	UBND tỉnh Hưng Yên	2013-2014	600	600	600	600	600	600	600	600	600	
ý hoạch phát triển chăn nuôi tỉnh giai đoạn 2010 - 2015, định hướng năm 2020	Thủ tướng Chính phủ	2013-2014	600	600	600	600	600	600	600	600	600	
ý hoạch thủy lợi tỉnh Hưng Yên năm 2015	UBND tỉnh Hưng Yên	2013-2014	600	600	600	600	600	600	600	600	600	
án quy hoạch triển khai mới			34.500	4.500	4.500	19.500	19.500					
ý hoạch thị tứ Đông Kết	UBND tỉnh Hưng Yên	2014-2015	400	400	400	400	400	400	400	400	400	
ý hoạch thị tứ Đông Tảo	UBND tỉnh Hưng Yên	2014-2015	400	400	400	400	400	400	400	400	400	
ý hoạch đô thị loại IV thị trấn n Khoái Châu	UBND tỉnh Hưng Yên	2014-2015	2.200	2.200	2.200	2.200	2.200	2.200	2.200	2.200	2.200	
ý hoạch chi tiết 4 cụm công nghiệp n Khoái Châu	UBND tỉnh Hưng Yên	2014-2015	400	400	400	400	400	400	400	400	400	
ý hoạch hệ thống hạ tầng văn hóa chiếu bóng, bảo tàng, thư viện) n Kim Động	UBND tỉnh Hưng Yên	2014-2015	300	300	300	300	300	300	300	300	300	
ý hoạch phát triển khoa học và nghệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn -2020 và định hướng đến năm 2011-2020	UBND tỉnh Hưng Yên	2014-2015	400	400	400	400	400	400	400	400	400	
ý hoạch bảo vệ môi trường giai 2011-2020	UBND tỉnh Hưng Yên	2014-2015	400	400	400	400	400	400	400	400	400	
ý án quy hoạch lập mới khác		2014-2015	30.000			15.000	15.000				15.000	